

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1 ĐỢT 2 HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2018-2019**

(Dữ liệu cập nhật ngày 19/12/2018)

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	5_4000001	001_5_4000001	0203-05	Lê Quốc Hiệp	40	13/01/2019	4	2	HNAB305
2	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	5_4000001	002_5_4000001	0203-05	Lê Quốc Hiệp	82	13/01/2019	4	2	HNAD101
3	4000002	Tâm lý học đại cương	5_4000002	001_5_4000002	0201-13	Ngô Văn Hưởng	119	13/01/2019	7	2	HNAD201
4	4000003	Tiếng Việt thực hành	5_4000003	001_5_4000003	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung	40	12/01/2019	11	2	HNAB305
5	4000003	Tiếng Việt thực hành	5_4000003	002_5_4000003	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung	81	12/01/2019	11	2	HNAD101
6	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	5_4000004	002_5_4000004	0201-10	Nguyễn Thị Phương	83	08/01/2019	11	2	HNAD101
7	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	5_4000004	001_5_4000004	0201-10	Nguyễn Thị Phương	40	08/01/2019	11	2	HNAA305
8	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	5_4000005	001_5_4000005	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	40	12/01/2019	11	2	HNAA305
9	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	5_4000005	002_5_4000005	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	113	12/01/2019	11	2	HNAD201
10	4010102	Giải tích 1	5_4010102	001_5_4010102	0101-17	Phạm Tuấn Cường	32	09/01/2019	7	2	HNAA303
11	4010103	Giải tích 2	5_4010103	001_5_4010103	0101-17	Phạm Tuấn Cường	13	11/01/2019	2	2	HNAA303
12	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	003_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	08/01/2019	7	2	HNAA405
13	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	006_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	08/01/2019	7	2	HNAB205
14	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	002_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	08/01/2019	7	2	HNAB305
15	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	001_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	08/01/2019	7	2	HNAA305
16	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	007_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	44	08/01/2019	7	2	HNAA208
17	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	005_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	08/01/2019	7	2	HNAA308

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
18	4010105	Xác suất thống kê	5_4010105	004_5_4010105	0101-09 ---0101-19 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	08/01/2019	7	2	HNAA303
19	4010106	Phương pháp tính	5_4010106	001_5_4010106	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương	40	09/01/2019	11	2	HNAA305
20	4010106	Phương pháp tính	5_4010106	002_5_4010106	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương	117	09/01/2019	11	2	HNAD101
21	4010107	Hàm phức	6_4010107_0101-12	001_6_4010107_0101-12	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương	62	10/01/2019	4	2	HNAD401
22	4010109	Logic đại cương	5_4010109	004_5_4010109	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	33	09/01/2019	2	2	HNAD303
23	4010109	Logic đại cương	5_4010109	002_5_4010109	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	40	09/01/2019	2	2	HNAA308
24	4010109	Logic đại cương	5_4010109	003_5_4010109	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	40	09/01/2019	2	2	HNAB205
25	4010109	Logic đại cương	5_4010109	001_5_4010109	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	40	09/01/2019	2	2	HNAA303
26	4010110	Toán tối ưu	5_4010110	002_5_4010110	0101-03	Tô Văn Đình	87	10/01/2019	11	2	HNAD401
27	4010110	Toán tối ưu	5_4010110	001_5_4010110	0101-03	Tô Văn Đình	40	10/01/2019	11	2	HNAB305
28	4010114	Toán cao cấp 2	5_4010114	001_5_4010114	0101-17	Phạm Tuấn Cường	40	10/01/2019	9	2	HNAA405
29	4010114	Toán cao cấp 2	5_4010114	002_5_4010114	0101-17	Phạm Tuấn Cường	82	10/01/2019	9	2	HNAD101
30	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	5_4010201	002_5_4010201	0102-10	Dư Thị Xuân Thảo	95	13/01/2019	2	2	HNAD201
31	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	5_4010201	001_5_4010201	0102-10	Dư Thị Xuân Thảo	40	13/01/2019	2	2	HNAA305
32	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	005_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG102
33	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	011_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	100	04/01/2019	2	2	HNBG206
34	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	002_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG201

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
35	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	010_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG205
36	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	012_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	107	04/01/2019	2	2	HNBG202
37	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	008_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG101
38	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	004_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG108
39	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	007_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG106

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
40	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	006_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG107
41	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	009_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG305
42	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	001_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG103
43	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_2	003_5_4010202_2	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-11 ---0102-13 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Lê Đức Tuyên ---Nguyễn Thị Diệu Thu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	2	2	HNBG301
44	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	007_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG106

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
45	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	006_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG107
46	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	008_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG101
47	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	005_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG102
48	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	013_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	100	04/01/2019	4	2	HNBG306
49	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	004_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG108

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
50	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	001_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG103
51	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	011_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	100	04/01/2019	4	2	HNBG206
52	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	010_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG205
53	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	009_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG305
54	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	003_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG301

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
55	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	012_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	100	04/01/2019	4	2	HNBG202
56	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	5_4010202_1	002_5_4010202_1	0102-01 ---0102-04 ---0102-06 ---0102-07 ---0102-15 ---0102-16 ---0102-17 ---0102-18	Đào Việt Thắng ---Đinh Văn Thiên ---Đỗ Thị Hồng Hải ---Hồ Quỳnh Anh ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Hậu ---Tống Bá Tuấn ---Vũ Bá Dũng	40	04/01/2019	4	2	HNBG201
57	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5_4010301	003_5_4010301	0103-07 ---0103-10 ---0103-16	Đỗ Thị Hải ---Nguyễn Đình Độ ---Vũ Kim Thư	40	07/01/2019	11	2	HNAA405
58	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5_4010301	001_5_4010301	0103-07 ---0103-10 ---0103-16	Đỗ Thị Hải ---Nguyễn Đình Độ ---Vũ Kim Thư	40	07/01/2019	11	2	HNAA305
59	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5_4010301	004_5_4010301	0103-07 ---0103-10 ---0103-16	Đỗ Thị Hải ---Nguyễn Đình Độ ---Vũ Kim Thư	40	07/01/2019	11	2	HNAA303
60	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5_4010301	002_5_4010301	0103-07 ---0103-10 ---0103-16	Đỗ Thị Hải ---Nguyễn Đình Độ ---Vũ Kim Thư	40	07/01/2019	11	2	HNAB305
61	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5_4010301	006_5_4010301	0103-07 ---0103-10 ---0103-16	Đỗ Thị Hải ---Nguyễn Đình Độ ---Vũ Kim Thư	107	07/01/2019	11	2	HNAD201
62	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5_4010301	005_5_4010301	0103-07 ---0103-10 ---0103-16	Đỗ Thị Hải ---Nguyễn Đình Độ ---Vũ Kim Thư	40	07/01/2019	11	2	HNAA308
63	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	5_4010303	001_5_4010303	0103-25	Nguyễn Việt Hùng	56	12/01/2019	9	2	HNAB204
64	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	5_4010305	003_5_4010305	0103-09 ---0103-21	Lê Thị Vinh ---Nguyễn Thu Hà	25	07/01/2019	7	2	HNAB201
65	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	5_4010305	001_5_4010305	0103-09 ---0103-21	Lê Thị Vinh ---Nguyễn Thu Hà	40	07/01/2019	7	2	HNAA307
66	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	5_4010305	002_5_4010305	0103-09 ---0103-21	Lê Thị Vinh ---Nguyễn Thu Hà	40	07/01/2019	7	2	HNAA407
67	4010306	Hóa phân tích phần 2	5_4010306	001_5_4010306	0103-06	Lê Thị Duyên	40	04/01/2019	2	2	HNBG602
68	4010306	Hóa phân tích phần 2	5_4010306	002_5_4010306	0103-06	Lê Thị Duyên	21	04/01/2019	2	2	HNBG506

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
69	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	5_4010307	002_5_4010307	0103-05 ---0103-11	Phạm Tiến Dũng ---Võ Thị Hạnh	40	09/01/2019	4	2	HNAA303
70	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	5_4010307	003_5_4010307	0103-05 ---0103-11	Phạm Tiến Dũng ---Võ Thị Hạnh	48	09/01/2019	4	2	HNAB204
71	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	5_4010307	001_5_4010307	0103-05 ---0103-11	Phạm Tiến Dũng ---Võ Thị Hạnh	40	09/01/2019	4	2	HNAA405
72	4010308	Hoá lý phần 1 + TN	5_4010308	001_5_4010308	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng	40	09/01/2019	4	2	HNAA308
73	4010308	Hoá lý phần 1 + TN	5_4010308	002_5_4010308	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng	53	09/01/2019	4	2	HNAB207
74	4010401	Hình học họa hình	5_4010401	002_5_4010401	0104-05 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Vũ Hữu Tuyên	76	12/01/2019	9	2	HNAD301
75	4010401	Hình học họa hình	5_4010401	001_5_4010401	0104-05 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Vũ Hữu Tuyên	120	12/01/2019	9	2	HNAD401
76	4010403	Autocad + TH	5_4010403_1	003_5_4010403_1	0104-01 ---0104-04	Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	2	2	HNAD204
77	4010403	Autocad + TH	5_4010403_1	002_5_4010403_1	0104-01 ---0104-04	Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	2	2	HNAD203
78	4010403	Autocad + TH	5_4010403_1	001_5_4010403_1	0104-01 ---0104-04	Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	2	2	HNAD302
79	4010403	Autocad + TH	5_4010403_1	004_5_4010403_1	0104-01 ---0104-04	Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	2	2	HNAD202
80	4010403	Autocad + TH	5_4010403_2	004_5_4010403_2	0104-01 ---0104-04 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	31	11/01/2019	4	2	HNAD202
81	4010403	Autocad + TH	5_4010403_2	002_5_4010403_2	0104-01 ---0104-04 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	4	2	HNAD203
82	4010403	Autocad + TH	5_4010403_2	003_5_4010403_2	0104-01 ---0104-04 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	4	2	HNAD204
83	4010403	Autocad + TH	5_4010403_2	001_5_4010403_2	0104-01 ---0104-04 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Lê Thị Thanh Hằng ---Trần Hồng Hải	40	11/01/2019	4	2	HNAD302
84	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	5_4010406_1	003_5_4010406_1	0104-01 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Trần Hồng Hải	120	07/01/2019	9	2	HNAD201
85	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	5_4010406_2	001_5_4010406_2	0104-01 ---0104-07	Phạm Thị Mai Anh ---Trần Hồng Hải	93	07/01/2019	9	2	HNAD301

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
86	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	5_4010406_1	004_5_4010406_1	0104-01 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Trần Hồng Hải	120	07/01/2019	9	2	HNAD101
87	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	5_4010406_1	002_5_4010406_1	0104-01 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Trần Hồng Hải	60	07/01/2019	9	2	HNAD403
88	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	5_4010406_1	001_5_4010406_1	0104-01 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Trần Hồng Hải	60	07/01/2019	9	2	HNAD402
89	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	5_4010406_1	005_5_4010406_1	0104-01 ---0104-06 ---0104-07 ---0104-08	Đỗ Việt Anh ---Hoàng Văn Tài ---Phạm Thị Mai Anh ---Trần Hồng Hải	60	07/01/2019	9	2	HNAD401
90	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_1	004_5_4010501_1	0105-01 ---0105-03 ---0105-07	Bùi Thị Thúy ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	100	09/01/2019	9	2	HNAD101
91	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_1	001_5_4010501_1	0105-01 ---0105-03 ---0105-07	Bùi Thị Thúy ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	60	09/01/2019	9	2	HNAD402
92	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_1	003_5_4010501_1	0105-01 ---0105-03 ---0105-07	Bùi Thị Thúy ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	120	09/01/2019	9	2	HNAD201
93	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_1	002_5_4010501_1	0105-01 ---0105-03 ---0105-07	Bùi Thị Thúy ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	60	09/01/2019	9	2	HNAD403
94	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_2	004_5_4010501_2	0105-01 ---0105-03 ---0105-04 ---0105-07 ---0105-09 ---0105-10	Bùi Thị Thúy ---Đinh Công Đạt ---Nguyễn Huy Thế ---Phạm Ngọc Chung ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	61	11/01/2019	9	2	HNAD101
95	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_2	003_5_4010501_2	0105-01 ---0105-03 ---0105-04 ---0105-07 ---0105-09 ---0105-10	Bùi Thị Thúy ---Đinh Công Đạt ---Nguyễn Huy Thế ---Phạm Ngọc Chung ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	120	11/01/2019	9	2	HNAD201

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
96	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_2	002_5_4010501_2	0105-01 ---0105-03 ---0105-04 ---0105-07 ---0105-09 ---0105-10	Bùi Thị Thúy ---Đinh Công Đạt ---Nguyễn Huy Thế ---Phạm Ngọc Chung ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	60	11/01/2019	9	2	HNAD403
97	4010501	Cơ học lý thuyết 1	5_4010501_2	001_5_4010501_2	0105-01 ---0105-03 ---0105-04 ---0105-07 ---0105-09 ---0105-10	Bùi Thị Thúy ---Đinh Công Đạt ---Nguyễn Huy Thế ---Phạm Ngọc Chung ---Trần Đình Sơn ---Trần Thị Trâm	60	11/01/2019	9	2	HNAD402
98	4010502	Cơ học lý thuyết 2	5_4010502	001_5_4010502	0105-09	Phạm Ngọc Chung	28	11/01/2019	4	2	HNAA305
99	4010504	Cơ học ứng dụng	5_4010504	001_5_4010504	0105-01 ---0105-04	Nguyễn Huy Thế ---Trần Đình Sơn	108	11/01/2019	2	2	HNAD301
100	4010607	Tiếng Trung 1	6_4010607_0000-07	001_6_4010607_0000-07	0000-07	Từ Bích Diệp	45	10/01/2019	7	2	HNAA207
101	4010608	Tiếng Trung 2	6_4010608_0000-07	001_6_4010608_0000-07	0000-07	Từ Bích Diệp	38	09/01/2019	7	2	HNAD303
102	4010613	Tiếng Anh 1	5_4010613	001_5_4010613	0106-09 ---0106-11 ---0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Nguyễn Thị Thu Phúc ---Trần Đình Thước	60	12/01/2019	7	2	HNAD402
103	4010613	Tiếng Anh 1	5_4010613	003_5_4010613	0106-09 ---0106-11 ---0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Nguyễn Thị Thu Phúc ---Trần Đình Thước	120	12/01/2019	7	2	HNAD201
104	4010613	Tiếng Anh 1	5_4010613	004_5_4010613	0106-09 ---0106-11 ---0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Nguyễn Thị Thu Phúc ---Trần Đình Thước	58	12/01/2019	7	2	HNAD101
105	4010613	Tiếng Anh 1	5_4010613	002_5_4010613	0106-09 ---0106-11 ---0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Nguyễn Thị Thu Phúc ---Trần Đình Thước	60	12/01/2019	7	2	HNAD403
106	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	008_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG101
107	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	011_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	100	02/01/2019	2	2	HNBG206

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
108	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	003_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG301
109	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	002_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG201
110	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	013_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	100	02/01/2019	2	2	HNBG306
111	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	007_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG106
112	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	010_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG205
113	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	012_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	100	02/01/2019	2	2	HNBG202

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
114	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	005_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG102
115	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	004_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG108
116	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	001_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG103
117	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	006_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG107
118	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_2	009_5_4010614_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-17 ---0106-21 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	2	2	HNBG305
119	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	013_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Dương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	100	02/01/2019	4	2	HNBG306

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
120	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	011_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	100	02/01/2019	4	2	HNBG206
121	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	001_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG103
122	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	007_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG106
123	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	009_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG305
124	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	012_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	100	02/01/2019	4	2	HNBG202
125	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	006_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG107

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
126	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	004_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG108
127	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	003_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG301
128	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	005_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG102
129	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	010_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG205
130	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	008_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG101
131	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_1	002_5_4010614_1	0106-06 ---0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-12 ---0106-14 ---0106-21	Cao Xuân Hiền ---Đương Thúy Hường ---Lê Thị Thúy Hà ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Trần Đình Thước	40	02/01/2019	4	2	HNBG201

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
132	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	003_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG301
133	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	008_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG101
134	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	006_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG107
135	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	002_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG201
136	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	004_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG108
137	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	007_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG106
138	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	009_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG305

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
139	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	013_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	100	02/01/2019	7	2	HNBG306
140	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	001_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG103
141	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	012_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	100	02/01/2019	7	2	HNBG202
142	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	010_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG205
143	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	005_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	40	02/01/2019	7	2	HNBG102
144	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_3	011_5_4010614_3	0106-13 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Vũ Thanh Tâm	100	02/01/2019	7	2	HNBG206
145	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	012_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thủy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	100	02/01/2019	9	2	HNBG202

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
146	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	006_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG107
147	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	005_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG102
148	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	010_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG205
149	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	008_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG101
150	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	004_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG108
151	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	009_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG305

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
152	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	007_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG106
153	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	011_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	100	02/01/2019	9	2	HNBG206
154	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	003_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG301
155	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	001_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG103
156	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	002_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	02/01/2019	9	2	HNBG201
157	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_4	013_5_4010614_4	0106-13 ---0106-14 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	100	02/01/2019	9	2	HNBG306
158	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_5	002_5_4010614_5	0106-15 ---0106-20	Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	09/01/2019	2	2	HNAB305

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
159	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_5	004_5_4010614_5	0106-15 ---0106-20	Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	46	09/01/2019	2	2	HNAA208
160	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_5	001_5_4010614_5	0106-15 ---0106-20	Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	09/01/2019	2	2	HNAA305
161	4010614	Tiếng Anh 2	5_4010614_5	003_5_4010614_5	0106-15 ---0106-20	Trịnh Thị Vân ---Trương Thị Thanh Thủy	40	09/01/2019	2	2	HNAA405
162	4010615	Tiếng Anh 3	6_4010615_0106-20	001_6_4010615_0106-20	0106-20	Trịnh Thị Vân	36	07/01/2019	4	2	HNAB205
163	4010615	Tiếng Anh 3	6_4010615_0106-21	001_6_4010615_0106-21	0106-21	Nguyễn Thị Cúc	17	10/01/2019	7	2	HNAD303
164	4010701	Giáo dục thể chất 1	_____01	001_____01	0107-19	Nguyễn Trường Đông	15	24/12/2018	3	2	SANTDA4
165	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCDTM62_70	001_DCCDTM62_70	0107-12	Lê Ngọc Linh	45	24/12/2018	1	2	SANTDB1
166	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCDKTB62_38	001_DCDKTB62_38	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	24/12/2018	9	2	SANTDB2
167	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCDDK62_56	001_DCCDDK62_56	0107-12	Lê Ngọc Linh	45	24/12/2018	9	2	SANTDB1
168	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCDDT62B_43	001_DCCDDT62B_43	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	25/12/2018	1	2	SANTDB3
169	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCKTKT_62C_66	001_DCKTKT_62C_66	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ	45	25/12/2018	1	2	SANTDB4
170	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCDOT62_18	001_DCCDOT62_18	0107-02	Nguyễn Quang Huy	45	25/12/2018	1	2	SANTDB2
171	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCMOKT62_14	001_DCMOKT62_14	0107-02	Nguyễn Quang Huy	45	25/12/2018	3	2	SANTDB1
172	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCKTKT_62D_67	001_DCKTKT_62D_67	0107-01	Nguyễn Khắc Anh Vũ	45	25/12/2018	3	2	SANTDB2
173	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCTMM62B_62	001_DCCTMM62B_62	0107-12	Lê Ngọc Linh	45	25/12/2018	7	2	SANTDB1
174	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCDTD62A_54	001_DCCDTD62A_54	0107-02	Nguyễn Quang Huy	45	25/12/2018	7	2	SANTDB2
175	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCTPM62C_49	001_DCCTPM62C_49	0107-10	Lê Viết Tuấn	46	25/12/2018	7	2	SANTDB3
176	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCTMM62A_42	001_DCCTMM62A_42	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	25/12/2018	9	2	SANTDB3
177	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCDTD62B_59	001_DCCDTD62B_59	0107-02	Nguyễn Quang Huy	45	25/12/2018	9	2	SANTDB1
178	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCTPM62C_50	001_DCCTPM62C_50	0107-12	Lê Ngọc Linh	46	26/12/2018	1	2	SANTDB3
179	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCTPM62B_48	001_DCCTPM62B_48	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	26/12/2018	1	2	SANTDB1
180	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCKTKT_62E_63	001_DCKTKT_62E_63	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	45	26/12/2018	1	2	SANTDB2
181	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCKTKDD62_20	001_DCKTKDD62_20	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	45	26/12/2018	7	2	SANTDB4
182	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCTDQD62_36	001_DCTDQD62_36	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	26/12/2018	7	2	SANTDB1
183	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCCTPM62D_51	001_DCCTPM62D_51	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	26/12/2018	9	2	SANTDB2
184	4010702	Giáo dục thể chất 2	_____76	001_____76	0107-14	Lý Kế Cường	45	27/12/2018	1	2	SANTDB1
185	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCKTKT_62A_71	001_DCKTKT_62A_71	0107-15	Nguyễn Huy Thông	46	28/12/2018	1	2	SANTDB4
186	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCKTKT_62B_73	001_DCKTKT_62B_73	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	45	28/12/2018	1	2	SANTDB3
187	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCDCDC_62_03	001_DCDCDC_62_03	0107-15	Nguyễn Huy Thông	46	28/12/2018	3	2	SANTDB2
188	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCXDDC62_34	001_DCXDDC62_34	0107-19	Nguyễn Trường Đông	45	28/12/2018	7	2	SANTDB3
189	4010702	Giáo dục thể chất 2	DCDKKK62_06	001_DCDKKK62_06	0107-15	Nguyễn Huy Thông	45	28/12/2018	9	2	SANTDB1
190	4010702	Giáo dục thể chất 2	_____75	001_____75	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	45	29/12/2018	1	2	SANTDB1
191	4010703	Giáo dục thể chất 3	_____09	001_____09	0107-19	Nguyễn Trường Đông	15	24/12/2018	7	2	SANTDB1
192	4010703	Giáo dục thể chất 3	_____08	001_____08	0107-05	Thái Việt Hưng	45	29/12/2018	1	2	SANTDB2
193	4010703	Giáo dục thể chất 3	_____05	001_____05	0107-15	Nguyễn Huy Thông	47	29/12/2018	7	2	SANTDB2
194	4010704	Giáo dục thể chất 4	_____05	001_____05	0107-19	Nguyễn Trường Đông	16	28/12/2018	3	2	SANTDA4
195	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCTDTD_61A_35	001_DCTDTD_61A_35	0107-04	Lê Văn Nam	45	24/12/2018	1	2	SANTDA4
196	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDDT61C_75	001_DCCDDT61C_75	0107-05	Thái Việt Hưng	45	24/12/2018	1	2	SANTDA1
197	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDTD61C_14	001_DCCDTD61C_14	0107-19	Nguyễn Trường Đông	45	24/12/2018	1	2	SANTDA2

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
198	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDHT61A_10	001_DCCDHT61A_10	0107-04	Lê Văn Nam	45	24/12/2018	3	2	SANTDA3
199	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCKTKD61B_57	001_DCKTKD61B_57	0107-19	Nguyễn Trường Đông	45	24/12/2018	9	2	SANTDA4
200	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCTDTD_61B_44	001_DCTDTD_61B_44	0107-04	Lê Văn Nam	41	24/12/2018	9	2	SANTDA1
201	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDTM61A_55	001_DCCDTM61A_55	0107-19	Nguyễn Trường Đông	26	25/12/2018	1	2	SANTDA3
202	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDDT61A_83	001_DCCDDT61A_83	0107-05	Thái Việt Hưng	45	25/12/2018	1	2	SANTDA2
203	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCTPM61B_20	001_DCCTPM61B_20	0107-17	Trần Lan Hương	33	25/12/2018	1	2	SANTDA1
204	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCTPM61D_15	001_DCCTPM61D_15	0107-17	Trần Lan Hương	46	25/12/2018	3	2	SANTDA1
205	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDDT61B_84	001_DCCDDT61B_84	0107-17	Trần Lan Hương	45	25/12/2018	7	2	SANTDA1
206	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCKTKD61D_66	001_DCKTKD61D_66	0107-19	Nguyễn Trường Đông	45	25/12/2018	9	2	SANTDA2
207	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDTK61_07	001_DCCDTK61_07	0107-04	Lê Văn Nam	37	26/12/2018	1	2	SANTDA1
208	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCKTKT_61E_52	001_DCKTKT_61E_52	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	46	26/12/2018	1	2	SANTDA2
209	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCXDHT61_21	001_DCXDHT61_21	0107-04	Lê Văn Nam	45	26/12/2018	3	2	SANTDA4
210	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCKTKT_61A_81	001_DCKTKT_61A_81	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	45	26/12/2018	3	2	SANTDA1
211	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDTH61D_43	001_DCCDTH61D_43	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	45	26/12/2018	7	2	SANTDA2
212	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCDCDC_61_13	001_DCDCDC_61_13	0107-08	Lương Anh Hùng	39	26/12/2018	7	2	SANTDA1
213	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDTM61B_48	001_DCCDTM61B_48	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	45	26/12/2018	9	2	SANTDA2
214	4010705	Giáo dục thể chất 5	_____87	001_____87	0107-17	Trần Lan Hương	45	27/12/2018	1	2	SANTDA1
215	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCDCCT61_09	001_DCDCCT61_09	0107-04	Lê Văn Nam	37	28/12/2018	1	2	SANTDA4
216	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCMOTK61_41	001_DCMOTK61_41	0107-05	Thái Việt Hưng	38	28/12/2018	1	2	SANTDA3
217	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCKTKT_61B_58	001_DCKTKT_61B_58	0107-19	Nguyễn Trường Đông	30	28/12/2018	1	2	SANTDA1
218	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCTDDD61B_38	001_DCTDDD61B_38	0107-04	Lê Văn Nam	45	28/12/2018	3	2	SANTDA1
219	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCXDDC61B_31	001_DCXDDC61B_31	0107-04	Lê Văn Nam	45	28/12/2018	9	2	SANTDA3
220	4010705	Giáo dục thể chất 5	DCCDMT61_51	001_DCCDMT61_51	0107-19	Nguyễn Trường Đông	45	28/12/2018	9	2	SANTDA1
221	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5_4020102	001_5_4020102	0201-10	Nguyễn Thị Phương	18	09/01/2019	4	2	HNAA205
222	4020103	Pháp luật đại cương	5_4020103	004_5_4020103	0201-01 ---0201-14 ---0204-01	Đào Thị Tuyết ---Đương Thị Tuyết Nhung ---Nguyễn Bình Yên	69	09/01/2019	7	2	HNAD101
223	4020103	Pháp luật đại cương	5_4020103	005_5_4020103	0201-01 ---0201-14 ---0204-01	Đào Thị Tuyết ---Đương Thị Tuyết Nhung ---Nguyễn Bình Yên	70	09/01/2019	7	2	HNAD401
224	4020103	Pháp luật đại cương	5_4020103	001_5_4020103	0201-01 ---0201-14 ---0204-01	Đào Thị Tuyết ---Đương Thị Tuyết Nhung ---Nguyễn Bình Yên	60	09/01/2019	7	2	HNAD402
225	4020103	Pháp luật đại cương	5_4020103	002_5_4020103	0201-01 ---0201-14 ---0204-01	Đào Thị Tuyết ---Đương Thị Tuyết Nhung ---Nguyễn Bình Yên	60	09/01/2019	7	2	HNAD403
226	4020103	Pháp luật đại cương	5_4020103	003_5_4020103	0201-01 ---0201-14 ---0204-01	Đào Thị Tuyết ---Đương Thị Tuyết Nhung ---Nguyễn Bình Yên	120	09/01/2019	7	2	HNAD201
227	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_3	001_5_4020201_3	0202-06	Lê Thị Yến	6	05/01/2019	4	2	HNBG306

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
228	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_2	005_5_4020201_2	0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Trần Thị Phúc An	60	05/01/2019	7	2	HNBG306
229	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_2	003_5_4020201_2	0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Trần Thị Phúc An	100	05/01/2019	7	2	HNBG206
230	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_2	002_5_4020201_2	0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Trần Thị Phúc An	40	05/01/2019	7	2	HNBG305
231	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_2	004_5_4020201_2	0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Trần Thị Phúc An	100	05/01/2019	7	2	HNBG202
232	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_2	001_5_4020201_2	0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Trần Thị Phúc An	40	05/01/2019	7	2	HNBG306
233	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_1	005_5_4020201_1	0202-01 ---0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Nguyễn Văn Sơn ---Trần Thị Phúc An	60	05/01/2019	9	2	HNBG306
234	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_1	001_5_4020201_1	0202-01 ---0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Nguyễn Văn Sơn ---Trần Thị Phúc An	40	05/01/2019	9	2	HNBG306
235	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_1	003_5_4020201_1	0202-01 ---0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Nguyễn Văn Sơn ---Trần Thị Phúc An	100	05/01/2019	9	2	HNBG206
236	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_1	004_5_4020201_1	0202-01 ---0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Nguyễn Văn Sơn ---Trần Thị Phúc An	100	05/01/2019	9	2	HNBG202
237	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5_4020201_1	002_5_4020201_1	0202-01 ---0202-03 ---0202-04 ---0202-06	Lê Thị Yến ---Nguyễn Thị Kim Dung ---Nguyễn Văn Sơn ---Trần Thị Phúc An	40	05/01/2019	9	2	HNBG305
238	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_3	004_5_4020301_3	0203-04 ---0203-06	Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	100	04/01/2019	7	2	HNBG202
239	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_3	005_5_4020301_3	0203-04 ---0203-06	Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	60	04/01/2019	7	2	HNBG306
240	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_3	001_5_4020301_3	0203-04 ---0203-06	Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	40	04/01/2019	7	2	HNBG306
241	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_3	003_5_4020301_3	0203-04 ---0203-06	Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	100	04/01/2019	7	2	HNBG206

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
242	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_3	002_5_4020301_3	0203-04 ---0203-06	Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	40	04/01/2019	7	2	HNBG305
243	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_2	001_5_4020301_2	0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	40	04/01/2019	9	2	HNBG306
244	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_2	003_5_4020301_2	0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	100	04/01/2019	9	2	HNBG206
245	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_2	005_5_4020301_2	0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	60	04/01/2019	9	2	HNBG306
246	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_2	004_5_4020301_2	0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	100	04/01/2019	9	2	HNBG202
247	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_2	002_5_4020301_2	0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	40	04/01/2019	9	2	HNBG305
248	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_1	005_5_4020301_1	0203-02 ---0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Đặng Thị Thanh Trâm ---Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	60	05/01/2019	2	2	HNBG306
249	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_1	002_5_4020301_1	0203-02 ---0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Đặng Thị Thanh Trâm ---Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	40	05/01/2019	2	2	HNBG305
250	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_1	003_5_4020301_1	0203-02 ---0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Đặng Thị Thanh Trâm ---Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	100	05/01/2019	2	2	HNBG206
251	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_1	004_5_4020301_1	0203-02 ---0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Đặng Thị Thanh Trâm ---Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	100	05/01/2019	2	2	HNBG202

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
252	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_1	001_5_4020301_1	0203-02 ---0203-03 ---0203-04 ---0203-05 ---0203-06	Đặng Thị Thanh Trâm ---Lê Quốc Hiệp ---Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà ---Nguyễn Tuấn Vương	40	05/01/2019	2	2	HNBG306
253	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_4	003_5_4020301_4	0203-03 ---0203-04	Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà	100	05/01/2019	4	2	HNBG206
254	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_4	004_5_4020301_4	0203-03 ---0203-04	Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà	84	05/01/2019	4	2	HNBG202
255	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_4	001_5_4020301_4	0203-03 ---0203-04	Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà	40	05/01/2019	4	2	HNBG205
256	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	5_4020301_4	002_5_4020301_4	0203-03 ---0203-04	Nguyễn Thị Thu Hương ---Nguyễn Thị Thúy Hà	40	05/01/2019	4	2	HNBG305
257	4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	5_4030102	001_5_4030102	0301-06 ---0301-10 ---0301-11	Lê Thị Thu Hoa ---Nguyễn Anh Tuấn ---Vũ Đình Hiếu	40	04/01/2019	7	2	HNBG502
258	4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	5_4030102	003_5_4030102	0301-06 ---0301-10 ---0301-11	Lê Thị Thu Hoa ---Nguyễn Anh Tuấn ---Vũ Đình Hiếu	39	04/01/2019	7	2	HNBG301
259	4030102	Các quá trình sản xuất trên mô lộ thiên	5_4030102	002_5_4030102	0301-06 ---0301-10 ---0301-11	Lê Thị Thu Hoa ---Nguyễn Anh Tuấn ---Vũ Đình Hiếu	40	04/01/2019	7	2	HNBG201
260	4030104	Khai thác quặng lộ thiên	6_4030104_0301-16	001_6_4030104_0301-16	0301-16	Phạm Văn Việt	28	10/01/2019	4	2	HNAA402
261	4030105	Khai thác vật liệu xây dựng	6_4030105_0301-06	001_6_4030105_0301-06	0301-06	Lê Thị Thu Hoa	27	12/01/2019	2	2	HNAA203
262	4030107	ổn định bờ mỏ và sườn dốc	5_4030107	001_5_4030107	0301-16	Phạm Văn Việt	18	08/01/2019	7	2	HNAB202
263	4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	5_4030108	001_5_4030108	0301-07	Phạm Văn Hòa	23	02/01/2019	7	2	HNBG506
264	4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	6_4030113_0301-03	002_6_4030113_0301-03	0301-03	Lê Văn Quyền	22	03/01/2019	9	2	HNBG502
265	4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	6_4030113_0301-03	001_6_4030113_0301-03	0301-03	Lê Văn Quyền	40	03/01/2019	9	2	HNBG506
266	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	5_4030114	001_5_4030114	0301-20	Nguyễn Hoàng	40	12/01/2019	9	2	HNAA303
267	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	5_4030114	002_5_4030114	0301-20	Nguyễn Hoàng	40	12/01/2019	9	2	HNAA308
268	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	5_4030114	003_5_4030114	0301-20	Nguyễn Hoàng	47	12/01/2019	9	2	HNAA207
269	4030118	Cơ sở khai thác mỏ	5_4030118	001_5_4030118	0301-15	Lê Quý Thảo	36	07/01/2019	7	2	HNAA408
270	4030203	Thông gió mỏ + BTL	5_4030203	001_5_4030203	0302-07 ---0302-09 ---0302-18	Đặng Vũ Chí ---Nguyễn Cao Khải ---Nguyễn Văn Thịnh	40	05/01/2019	2	2	HNBG205
271	4030203	Thông gió mỏ + BTL	5_4030203	002_5_4030203	0302-07 ---0302-09 ---0302-18	Đặng Vũ Chí ---Nguyễn Cao Khải ---Nguyễn Văn Thịnh	40	05/01/2019	2	2	HNBG501
272	4030203	Thông gió mỏ + BTL	5_4030203	003_5_4030203	0302-07 ---0302-09 ---0302-18	Đặng Vũ Chí ---Nguyễn Cao Khải ---Nguyễn Văn Thịnh	37	05/01/2019	2	2	HNBG103
273	4030204	Khai thác quặng hầm lò	6_4030204_0302-16	001_6_4030204_0302-16	0302-16	Lê Tiến Dũng	48	08/01/2019	2	2	HNAB303

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
274	4030205	Điều khiển áp lực mỏ	5_4030205	002_5_4030205	0302-14 ---0302-21	Nguyễn Phi Hùng ---Nguyễn Văn Quang	29	02/01/2019	7	2	HNBG607
275	4030205	Điều khiển áp lực mỏ	5_4030205	001_5_4030205	0302-14 ---0302-21	Nguyễn Phi Hùng ---Nguyễn Văn Quang	29	02/01/2019	7	2	HNBG501
276	4030207	An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò	6_4030207_0302-13	001_6_4030207_0302-13	0302-13	Đào Văn Chi	51	10/01/2019	2	2	HNAB207
277	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	5_4030208	002_5_4030208	0302-23	Đặng Phương Thảo	51	07/01/2019	7	2	HNAA207
278	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	5_4030208	001_5_4030208	0302-23	Đặng Phương Thảo	40	07/01/2019	7	2	HNAD203
279	4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	6_4030209_0302-15	002_6_4030209_0302-15	0302-15	Đặng Quang Hưng	24	03/01/2019	9	2	HNBG602
280	4030209	Phương pháp khai thác hầm lò đặc biệt	6_4030209_0302-15	001_6_4030209_0302-15	0302-15	Đặng Quang Hưng	40	03/01/2019	9	2	HNBG507
281	4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	6_4030219_0302-12	001_6_4030219_0302-12	0302-12	Phạm Đức Hưng	40	03/01/2019	7	2	HNBG506
282	4030219	Chống giữ mỏ hầm lò	6_4030219_0302-12	002_6_4030219_0302-12	0302-12	Phạm Đức Hưng	31	03/01/2019	7	2	HNBG502
283	4030223	Cơ sở thông gió	6_4030223_0302-07	001_6_4030223_0302-07	0302-07	Đặng Vũ Chí	37	10/01/2019	4	2	HNAB404
284	4030402	Tuyển trọng lực	6_4030402_0304-08	001_6_4030402_0304-08	0304-08	Vũ Thị Chinh	51	08/01/2019	2	2	HNAB207
285	4030403	Tuyển từ – tuyển điện	6_4030403_0304-07	001_6_4030403_0304-07	0304-07	Phạm Văn Luận	28	03/01/2019	9	2	HNBG601
286	4030403	Tuyển từ – tuyển điện	6_4030403_0304-07	002_6_4030403_0304-07	0304-07	Phạm Văn Luận	28	03/01/2019	9	2	HNBG608
287	4030406	Khử nước khử bụi	6_4030406_0304-06	001_6_4030406_0304-06	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung	15	12/01/2019	2	2	HNAD302
288	4030409	Tiêu chuẩn phân tích	6_4030409_0304-08	001_6_4030409_0304-08	0304-08	Vũ Thị Chinh	42	10/01/2019	2	2	HNAB201
289	4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	6_4030412_0304-07	001_6_4030412_0304-07	0304-07	Phạm Văn Luận	38	08/01/2019	4	2	HNAA203
290	4030415	Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại	6_4030415_0304-04	002_6_4030415_0304-04	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	26	03/01/2019	7	2	HNBG107
291	4030415	Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại	6_4030415_0304-04	001_6_4030415_0304-04	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	40	03/01/2019	7	2	HNBG102
292	4030416	Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	6_4030416_0304-04	001_6_4030416_0304-04	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	55	08/01/2019	2	2	HNAD403
293	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	5_4030422	002_5_4030422	0304-14	Phạm Thị Nhung	40	05/01/2019	7	2	HNBG501
294	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	5_4030422	001_5_4030422	0304-14	Phạm Thị Nhung	40	05/01/2019	7	2	HNBG205
295	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	5_4030422	003_5_4030422	0304-14	Phạm Thị Nhung	24	05/01/2019	7	2	HNBG103
296	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	5_4030422	004_5_4030422	0304-14	Phạm Thị Nhung	25	05/01/2019	7	2	HNBG607
297	4030423	An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng tuyển	6_4030423_0304-15	001_6_4030423_0304-15	0304-15	Trần Văn Được	41	10/01/2019	4	2	HNAD203
298	4030440	Lò luyện kim	6_4030440_0304-15	001_6_4030440_0304-15	0304-15	Trần Văn Được	17	12/01/2019	2	2	HNAA304
299	4030443	Thủy luyện	6_4030443_0304-09	001_6_4030443_0304-09	0304-09	Trần Trung Tới	17	08/01/2019	2	2	HNAB306
300	4030445	Điện phân	6_4030445_0304-09	001_6_4030445_0304-09	0304-09	Trần Trung Tới	17	10/01/2019	2	2	HNAB306
301	4030450	Công nghệ luyện kim loại màu nhẹ	6_4030450_0304-15	001_6_4030450_0304-15	0304-15	Trần Văn Được	15	10/01/2019	4	2	HNAA404
302	4030450	Công nghệ luyện kim loại màu nhẹ	6_4030450_0304-09	001_6_4030450_0304-09	0304-09	Trần Trung Tới	16	10/01/2019	4	2	HNAA204

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
303	4030451	Công nghệ luyện gang-thép	6_4030451_0304-15	001_6_4030451_0304-15	0304-15	Trần Văn Đước	31	10/01/2019	2	2	HNAB206
304	4030453	Tuyển quặng kim loại màu và quý hiếm	6_4030453_0304-04	001_6_4030453_0304-04	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	15	08/01/2019	2	2	HNAA404
305	4030456	Công nghệ luyện kim hiếm	6_4030456_0304-09	001_6_4030456_0304-09	0304-09	Trần Trung Tới	16	08/01/2019	4	2	HNAB404
306	4030457	Công nghệ luyện và tái chế vàng	6_4030457_0304-04	001_6_4030457_0304-04	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	16	08/01/2019	2	2	HNAA204
307	4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	5_4030501	001_5_4030501	0305-04 ---0305-05	Nguyễn Như Hùng ---Nguyễn Viết Thắng	105	11/01/2019	11	2	HNAD101
308	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	5_4030507	002_5_4030507	0305-01 ---0305-07	Đỗ Ngọc Tú ---Đương Đức Hùng	51	11/01/2019	7	2	HNAD401
309	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	5_4030507	001_5_4030507	0305-01 ---0305-07	Đỗ Ngọc Tú ---Đương Đức Hùng	120	11/01/2019	7	2	HNAD101
310	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL2	5_4030508	001_5_4030508	0305-07	Đỗ Ngọc Tú	17	08/01/2019	9	2	HNAA403
311	4030514	Cơ học môi trường liên tục	5_4030514	002_5_4030514	0305-05	Nguyễn Như Hùng	47	09/01/2019	2	2	HNAB204
312	4030514	Cơ học môi trường liên tục	5_4030514	001_5_4030514	0305-05	Nguyễn Như Hùng	40	09/01/2019	2	2	HNAA205
313	4030515	Động lực học công trình	5_4030515	003_5_4030515	0305-02 ---0305-07	Đỗ Ngọc Tú ---Phạm Tuấn Long	28	04/01/2019	7	2	HNBG602
314	4030515	Động lực học công trình	5_4030515	001_5_4030515	0305-02 ---0305-07	Đỗ Ngọc Tú ---Phạm Tuấn Long	40	04/01/2019	7	2	HNBG406
315	4030515	Động lực học công trình	5_4030515	002_5_4030515	0305-02 ---0305-07	Đỗ Ngọc Tú ---Phạm Tuấn Long	40	04/01/2019	7	2	HNBG507
316	4030515	Động lực học công trình	5_4030515	004_5_4030515	0305-02 ---0305-07	Đỗ Ngọc Tú ---Phạm Tuấn Long	29	04/01/2019	7	2	HNBG506
317	4040101	Địa chất đại cương	5_4040101	001_5_4040101	0401-02	Ngô Thị Kim Chi	40	05/01/2019	2	2	HNBG502
318	4040101	Địa chất đại cương	5_4040101	002_5_4040101	0401-02	Ngô Thị Kim Chi	20	05/01/2019	2	2	HNBG201
319	4040102	Địa chất cơ sở	5_4040102	001_5_4040102	0401-21 ---0401-24	Nguyễn Hữu Hiệp ---Phan Văn Bình	40	07/01/2019	2	2	HNAA305
320	4040102	Địa chất cơ sở	5_4040102	002_5_4040102	0401-21 ---0401-24	Nguyễn Hữu Hiệp ---Phan Văn Bình	25	07/01/2019	2	2	HNAB305
321	4040103	Cổ sinh - địa sử	6_4040103_0401-02	002_6_4040103_0401-02	0401-02	Ngô Thị Kim Chi	24	10/01/2019	2	2	HNAA308
322	4040103	Cổ sinh - địa sử	6_4040103_0401-02	001_6_4040103_0401-02	0401-02	Ngô Thị Kim Chi	40	10/01/2019	2	2	HNAA303
323	4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	6_4040104_0401-06	001_6_4040104_0401-06	0401-06	Trần Thanh Hải	17	10/01/2019	4	2	HNAB306
324	4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	6_4040104_0401-13	001_6_4040104_0401-13	0401-13	Ngô Xuân Thành	38	10/01/2019	9	2	HNAB305
325	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	5_4040105	001_5_4040105	0401-13	Ngô Xuân Thành	56	12/01/2019	2	2	HNAA207
326	4040106	Địa chất Việt Nam	6_4040106_0401-13	002_6_4040106_0401-13	0401-13	Ngô Xuân Thành	31	03/01/2019	7	2	HNBG301
327	4040106	Địa chất Việt Nam	6_4040106_0401-13	001_6_4040106_0401-13	0401-13	Ngô Xuân Thành	40	03/01/2019	7	2	HNBG201
328	4040106	Địa chất Việt Nam	6_4040106_0401-06	001_6_4040106_0401-06	0401-06	Trần Thanh Hải	17	08/01/2019	7	2	HNAA306
329	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	5_4040107	001_5_4040107	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng	43	08/01/2019	7	2	HNAB207
330	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	6_4040109_0401-06	001_6_4040109_0401-06	0401-06	Trần Thanh Hải	35	12/01/2019	9	2	HNAA205

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
331	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	5_4040203	001_5_4040203	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng	25	04/01/2019	2	2	HNBG502
332	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	5_4040203	002_5_4040203	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng	26	04/01/2019	2	2	HNBG603
333	4040207	Địa chất mỏ	5_4040207	001_5_4040207	0402-08	Khương Thế Hùng	33	02/01/2019	7	2	HNBG602
334	4040301	Tinh thể khoáng vật + TN	6_4040301_0403-06	001_6_4040301_0403-06	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng	48	10/01/2019	4	2	HNAB303
335	4040304	Thạch học1 + TN	6_4040304_0403-03	001_6_4040304_0403-03	0403-03	Tô Xuân Bản	29	11/01/2019	7	2	HNAA205
336	4040310	Địa hoá	5_4040310	001_5_4040310	0403-16	Đặng Thị Vinh	35	04/01/2019	4	2	HNBG601
337	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	5_4040313	001_5_4040313	0403-01	Phạm Thị Vân Anh	16	08/01/2019	7	2	HNAD202
338	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	5_4040401	001_5_4040401	0404-05	Lê Thị Thu	31	09/01/2019	2	2	HNAA304
339	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	6_4040406_0402-06	001_6_4040406_0402-06	0402-06	Bùi Hoàng Bắc	40	08/01/2019	2	2	HNAA203
340	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	6_4040406_0402-06	002_6_4040406_0402-06	0402-06	Bùi Hoàng Bắc	21	08/01/2019	2	2	HNAA205
341	4040408	Khoáng tướng + TH	5_4040408	001_5_4040408	0404-07	Hoàng Thị Thoa	11	11/01/2019	2	2	HNAA308
342	4040412	Khoáng sản biến đại cương	6_4040412_0404-05	001_6_4040412_0404-05	0404-05	Lê Thị Thu	55	10/01/2019	2	2	HNAD403
343	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-11	003_6_4040502_0405-11	0405-11	Nguyễn Văn Phóng	24	03/01/2019	4	2	HNBG403
344	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-11	002_6_4040502_0405-11	0405-11	Nguyễn Văn Phóng	24	03/01/2019	4	2	HNBG205
345	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-11	001_6_4040502_0405-11	0405-11	Nguyễn Văn Phóng	40	03/01/2019	4	2	HNBG305
346	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-14	002_6_4040502_0405-14	0405-14	Nhữ Việt Hà	27	03/01/2019	7	2	HNBG606
347	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-14	001_6_4040502_0405-14	0405-14	Nhữ Việt Hà	40	03/01/2019	7	2	HNBG108
348	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-20	001_6_4040502_0405-20	0405-20	Dương Bình	40	03/01/2019	7	2	HNBG601
349	4040502	Cơ học đất	6_4040502_0405-20	002_6_4040502_0405-20	0405-20	Dương Bình	29	03/01/2019	7	2	HNBG608
350	4040504	Nền và móng	6_4040504_0405-20	001_6_4040504_0405-20	0405-20	Dương Bình	21	08/01/2019	4	2	HNAD203
351	4040506	Địa chất động lực công trình	6_4040506_0405-06	001_6_4040506_0405-06	0405-06	Nguyễn Viết Tình	41	10/01/2019	9	2	HNAA207
352	4040507	Vật liệu xây dựng +TN	6_4040507_0405-09	001_6_4040507_0405-09	0405-09	Phạm Minh Tuấn	60	07/01/2019	9	2	HNAA207
353	4040508	Công trình xây dựng	6_4040508_0405-10	001_6_4040508_0405-10	0405-10	Bùi Trường Sơn	22	10/01/2019	2	2	HNAA406
354	4040509	Tin học ứng dụng trong địa chất công trình	6_4040509_0405-14	001_6_4040509_0405-14	0405-14	Nhữ Việt Hà	40	08/01/2019	4	2	HNAA303
355	4040509	Tin học ứng dụng trong địa chất công trình	6_4040509_0405-14	002_6_4040509_0405-14	0405-14	Nhữ Việt Hà	24	08/01/2019	4	2	HNAA308
356	4040512	Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	6_4040512_0405-03	001_6_4040512_0405-03	0405-03	Lê Trọng Thắng	40	03/01/2019	2	2	HNBG403
357	4040512	Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	6_4040512_0405-03	002_6_4040512_0405-03	0405-03	Lê Trọng Thắng	40	03/01/2019	2	2	HNBG402
358	4040512	Các phương pháp nghiên cứu địa chất công trình	6_4040512_0405-03	003_6_4040512_0405-03	0405-03	Lê Trọng Thắng	31	03/01/2019	2	2	HNBG401
359	4040513	Khảo sát địa chất công trình	6_4040513_0405-03	001_6_4040513_0405-03	0405-03	Lê Trọng Thắng	40	08/01/2019	2	2	HNAB205
360	4040513	Khảo sát địa chất công trình	6_4040513_0405-03	002_6_4040513_0405-03	0405-03	Lê Trọng Thắng	22	08/01/2019	2	2	HNAD303
361	4040513	Khảo sát địa chất công trình	6_4040513_0405-05	002_6_4040513_0405-05	0405-05	Tô Xuân Vu	23	10/01/2019	4	2	HNAA407
362	4040513	Khảo sát địa chất công trình	6_4040513_0405-05	001_6_4040513_0405-05	0405-05	Tô Xuân Vu	23	10/01/2019	4	2	HNAA307

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
363	4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	5_4040516	001_5_4040516	0405-19	Vũ Thái Linh	29	04/01/2019	7	2	HNBG608
364	4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	5_4040516	002_5_4040516	0405-19	Vũ Thái Linh	30	04/01/2019	7	2	HNBG108
365	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	6_4040517_0405-24	001_6_4040517_0405-24	0405-24	Nguyễn Văn Hùng	23	12/01/2019	7	2	HNAB305
366	4040519	Địa chất công trình	5_4040519	002_5_4040519	0405-24	Nguyễn Văn Hùng	26	12/01/2019	4	2	HNAD303
367	4040519	Địa chất công trình	5_4040519	001_5_4040519	0405-24	Nguyễn Văn Hùng	40	12/01/2019	4	2	HNAB205
368	4040601	Địa chất thủy văn đại cương	5_4040601	001_5_4040601	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy	25	12/01/2019	2	2	HNAB305
369	4040606	Cấp nước và xử lý nước cấp	6_4040606_0406-09	001_6_4040606_0406-09	0406-09	Vũ Thu Hiền	12	12/01/2019	4	2	HNAA307
370	4040607	Thủy địa hóa và nước khoáng	6_4040607_0406-06	001_6_4040607_0406-06	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy	38	11/01/2019	4	2	HNAB305
371	4040610	Địa chất thủy văn chuyên môn	6_4040610_0406-07	001_6_4040610_0406-07	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy	27	08/01/2019	2	2	HNAD202
372	4040613	Đánh giá trữ lượng nước dưới đất	6_4040613_0406-10	001_6_4040613_0406-10	0406-10	Nguyễn Bách Thảo	13	08/01/2019	4	2	HNAA408
373	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	5_4040616	001_5_4040616	0406-15	Đào Đức Bằng	86	09/01/2019	11	2	HNAD201
374	4040621	Các PP điều tra địa chất thủy văn và nghiên cứu động thái, cân bằng nước dưới đất	6_4040621_0406-07	001_6_4040621_0406-07	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy	41	12/01/2019	4	2	HNAA205
375	4040634	Bổ sung nhân tạo nước dưới đất	6_4040634_0406-06	001_6_4040634_0406-06	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy	25	10/01/2019	4	2	HNAB401
376	4040710	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón	5_4040710	001_5_4040710	0407-08	Phạm Thị Thanh Hiền	16	07/01/2019	2	2	HNAD303
377	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	5_4050101	001_5_4050101	0501-03 ---0501-08 ---0501-15	Đinh Thị Lệ Hà ---Nguyễn Quang Phúc ---Trần Thùy Linh	40	12/01/2019	4	2	HNAA305
378	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	5_4050101	003_5_4050101	0501-03 ---0501-08 ---0501-15	Đinh Thị Lệ Hà ---Nguyễn Quang Phúc ---Trần Thùy Linh	40	12/01/2019	4	2	HNAA405
379	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	5_4050101	002_5_4050101	0501-03 ---0501-08 ---0501-15	Đinh Thị Lệ Hà ---Nguyễn Quang Phúc ---Trần Thùy Linh	40	12/01/2019	4	2	HNAB305
380	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	5_4050101	004_5_4050101	0501-03 ---0501-08 ---0501-15	Đinh Thị Lệ Hà ---Nguyễn Quang Phúc ---Trần Thùy Linh	27	12/01/2019	4	2	HNAA303
381	4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	6_4050104_0501-07	001_6_4050104_0501-07	0501-07	Nguyễn Việt Hà	44	03/01/2019	9	2	HNBG106
382	4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	6_4050104_0501-02	001_6_4050104_0501-02	0501-02	Nguyễn Quang Thắng	23	08/01/2019	2	2	HNAD304
383	4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	6_4050104_0501-11	001_6_4050104_0501-11	0501-11	Nguyễn Hà	40	08/01/2019	2	2	HNAB305
384	4050104	Trắc địa Công trình giao thông - thủy lợi + ĐA	6_4050104_0501-11	002_6_4050104_0501-11	0501-11	Nguyễn Hà	24	08/01/2019	2	2	HNAA405

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
385	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	6_4050105_0501-04	001_6_4050105_0501-04	0501-04	Trần Viết Tuấn	18	08/01/2019	4	2	HNAD204
386	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	6_4050105_0501-11	001_6_4050105_0501-11	0501-11	Nguyễn Hà	60	10/01/2019	2	2	HNAA207
387	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	5_4050107	001_5_4050107	0501-14 ---0501-15	Nguyễn Thị Kim Thanh ---Trần Thùy Linh	40	11/01/2019	7	2	HNAA308
388	4050107	Tổ chức sản xuất trắc địa - an toàn lao động + ĐA	5_4050107	002_5_4050107	0501-14 ---0501-15	Nguyễn Thị Kim Thanh ---Trần Thùy Linh	21	11/01/2019	7	2	HNAB205
389	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	6_4050111_0501-01	001_6_4050111_0501-01	0501-01	Trần Khánh	40	03/01/2019	7	2	HNBG408
390	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	6_4050111_0501-01	002_6_4050111_0501-01	0501-01	Trần Khánh	25	03/01/2019	7	2	HNBG407
391	4050112	ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	6_4050112_0501-07	001_6_4050112_0501-07	0501-07	Nguyễn Việt Hà	16	08/01/2019	2	2	HNAB203
392	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	5_4050201	002_5_4050201	0502-09 ---0502-11	Lê Thị Thanh Tâm ---Nguyễn Văn Sáng	41	02/01/2019	4	2	HNBG607
393	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	5_4050201	001_5_4050201	0502-09 ---0502-11	Lê Thị Thanh Tâm ---Nguyễn Văn Sáng	40	02/01/2019	4	2	HNBG501
394	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	5_4050203	002_5_4050203	0502-14 ---0502-17	Nguyễn Gia Trọng ---Phạm Ngọc Quang	37	09/01/2019	4	2	HNAD303
395	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	5_4050203	001_5_4050203	0502-14 ---0502-17	Nguyễn Gia Trọng ---Phạm Ngọc Quang	40	09/01/2019	4	2	HNAB205
396	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	6_4050204_0502-10	001_6_4050204_0502-10	0502-10	Lê Minh Tá	24	10/01/2019	4	2	HNAB305
397	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	6_4050204_0502-10	002_6_4050204_0502-10	0502-10	Lê Minh Tá	24	10/01/2019	4	2	HNAA405
398	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	5_4050206	001_5_4050206	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm	23	07/01/2019	2	2	HNAA308
399	4050208	Trắc địa biển và đảo hàng	5_4050208	001_5_4050208	0502-19	Nguyễn Văn Lâm	24	08/01/2019	7	2	HNAA408
400	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa)	5_4050211	001_5_4050211	0502-17	Phạm Ngọc Quang	16	07/01/2019	2	2	HNAA203
401	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	5_4050301	001_5_4050301	0503-07	Trần Hồng Hạnh	10	07/01/2019	2	2	HNAA205
402	4050302	Cơ sở viễn thám	5_4050302	002_5_4050302	0503-07 ---0503-10	Trần Hồng Hạnh ---Trần Thanh Hà	40	04/01/2019	4	2	HNBG506
403	4050302	Cơ sở viễn thám	5_4050302	003_5_4050302	0503-07 ---0503-10	Trần Hồng Hạnh ---Trần Thanh Hà	35	04/01/2019	4	2	HNBG502
404	4050302	Cơ sở viễn thám	5_4050302	001_5_4050302	0503-07 ---0503-10	Trần Hồng Hạnh ---Trần Thanh Hà	40	04/01/2019	4	2	HNBG602
405	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	5_4050303	001_5_4050303	0503-17 ---0503-19	Lê Thanh Nghị ---Phạm Thị Thanh Hòa	40	08/01/2019	9	2	HNAA402
406	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	5_4050303	002_5_4050303	0503-17 ---0503-19	Lê Thanh Nghị ---Phạm Thị Thanh Hòa	56	08/01/2019	9	2	HNAA207
407	4050306	Công nghệ đo ảnh + ĐA	5_4050306	001_5_4050306	0503-05	Trần Trung Anh	30	08/01/2019	7	2	HNAD203
408	4050328	Kỹ thuật lập trình GIS + BTL	6_4050328_0503-04	001_6_4050328_0503-04	0503-04	Trần Văn Anh	28	10/01/2019	4	2	HNAA406
409	4050329	GIS ứng dụng	6_4050329_0503-19	001_6_4050329_0503-19	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa	28	08/01/2019	2	2	HNAB206

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
410	4050330	GIS mã nguồn mở + BTL	6_4050330_0503-04	001_6_4050330_0503-04	0503-04	Trần Văn Anh	27	10/01/2019	2	2	HNAD202
411	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	5_4050401	002_5_4050401	0504-02 ---0504-08	Đinh Công Hòa ---Nguyễn Thị Thu Hương	28	04/01/2019	9	2	HNBG507
412	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	5_4050401	003_5_4050401	0504-02 ---0504-08	Đinh Công Hòa ---Nguyễn Thị Thu Hương	29	04/01/2019	9	2	HNBG602
413	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	5_4050401	001_5_4050401	0504-02 ---0504-08	Đinh Công Hòa ---Nguyễn Thị Thu Hương	40	04/01/2019	9	2	HNBG406
414	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	5_4050404	001_5_4050404			28	09/01/2019	9	2	HNAA303
415	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	5_4050405	002_5_4050405	0504-10 ---0504-12	Lã Phú Hiến ---Lư Anh Tuấn	40	05/01/2019	2	2	HNBG406
416	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	5_4050405	001_5_4050405	0504-10 ---0504-12	Lã Phú Hiến ---Lư Anh Tuấn	40	05/01/2019	2	2	HNBG607
417	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	5_4050405	003_5_4050405	0504-10 ---0504-12	Lã Phú Hiến ---Lư Anh Tuấn	33	05/01/2019	2	2	HNBG507
418	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	5_4050408	001_5_4050408	0504-07 ---0504-12	Dương Thành Trung ---Lã Phú Hiến	40	07/01/2019	7	2	HNAD303
419	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	5_4050408	002_5_4050408	0504-07 ---0504-12	Dương Thành Trung ---Lã Phú Hiến	40	07/01/2019	7	2	HNAA203
420	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	5_4050408	003_5_4050408	0504-07 ---0504-12	Dương Thành Trung ---Lã Phú Hiến	40	07/01/2019	7	2	HNAA409
421	4050503	Trắc địa mô hình	6_4050503_0505-06	001_6_4050503_0505-06	0505-06	Nguyễn Việt Nghĩa	26	10/01/2019	2	2	HNAA402
422	4050508	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa mô	6_4050508_0505-07	001_6_4050508_0505-07	0505-07	Nguyễn Quốc Long	25	07/01/2019	7	2	HNAA402
423	4050509	Kỹ thuật môi trường	5_4050509	003_5_4050509	0505-30	Cao Xuân Cường	23	05/01/2019	9	2	HNBG103
424	4050509	Kỹ thuật môi trường	5_4050509	004_5_4050509	0505-30	Cao Xuân Cường	24	05/01/2019	9	2	HNBG607
425	4050509	Kỹ thuật môi trường	5_4050509	001_5_4050509	0505-30	Cao Xuân Cường	40	05/01/2019	9	2	HNBG205
426	4050509	Kỹ thuật môi trường	5_4050509	002_5_4050509	0505-30	Cao Xuân Cường	40	05/01/2019	9	2	HNBG501
427	4050517	Công nghệ viễn thám nghiên cứu tài nguyên môi trường	5_4050517	001_5_4050517	0505-09	Phạm Thị Làn	14	08/01/2019	7	2	HNAD304
428	4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mô	5_4050521	001_5_4050521	0505-10	Phạm Văn Chung	58	09/01/2019	2	2	HNAB207
429	4050526	Trắc địa đại cương	5_4050526	001_5_4050526	0505-08 ---0505-11	Lê Văn Cảnh ---Võ Ngọc Dũng	117	12/01/2019	2	2	HNAD301
430	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	5_4050527	003_5_4050527	0505-10 ---0505-30	Cao Xuân Cường ---Phạm Văn Chung	29	08/01/2019	9	2	HNAA408
431	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	5_4050527	002_5_4050527	0505-10 ---0505-30	Cao Xuân Cường ---Phạm Văn Chung	40	08/01/2019	9	2	HNAB404
432	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	5_4050527	001_5_4050527	0505-10 ---0505-30	Cao Xuân Cường ---Phạm Văn Chung	40	08/01/2019	9	2	HNAD204
433	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	5_4050602	001_5_4050602	0506-14	Phùng Minh Sơn	35	02/01/2019	7	2	HNBG507
434	4050603	Kỹ thuật thành lập bản đồ số	6_4050603_0506-08	001_6_4050603_0506-08	0506-08	Phạm Thế Huỳnh	38	08/01/2019	4	2	HNAA205
435	4050607	Định giá bất động sản + BTL	6_4050607_0506-10	001_6_4050607_0506-10	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga	36	07/01/2019	4	2	HNAA308

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
436	4050610	Địa chính đô thị	6_4050610_0506-05	002_6_4050610_0506-05	0506-05	Trần Đình Thành	28	03/01/2019	9	2	HNBG103
437	4050610	Địa chính đô thị	6_4050610_0506-05	001_6_4050610_0506-05	0506-05	Trần Đình Thành	40	03/01/2019	9	2	HNBG501
438	4050612	Quy hoạch sử dụng đất + ĐA	6_4050612_0506-06	002_6_4050612_0506-06	0506-06	Nguyễn Thị Kim Yến	24	10/01/2019	2	2	HNAA205
439	4050612	Quy hoạch sử dụng đất + ĐA	6_4050612_0506-06	001_6_4050612_0506-06	0506-06	Nguyễn Thị Kim Yến	40	10/01/2019	2	2	HNAA203
440	4050615	Hệ thống thông tin đất đai 1	6_4050615_0506-03	001_6_4050615_0506-03	0506-03	Trần Thùy Dương	40	08/01/2019	2	2	HNAA303
441	4050615	Hệ thống thông tin đất đai 1	6_4050615_0506-03	002_6_4050615_0506-03	0506-03	Trần Thùy Dương	23	08/01/2019	2	2	HNAA308
442	4050615	Hệ thống thông tin đất đai 1	6_4050615_0506-07	001_6_4050615_0506-07	0506-07	Nguyễn Thế Công	15	10/01/2019	2	2	HNAB203
443	4050619	Đăng ký thống kê đất	6_4050619_0506-12	002_6_4050619_0506-12	0506-12	Đinh Hải Nam	20	03/01/2019	7	2	HNBG403
444	4050619	Đăng ký thống kê đất	6_4050619_0506-12	001_6_4050619_0506-12	0506-12	Đinh Hải Nam	40	03/01/2019	7	2	HNBG205
445	4050620	Bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai	6_4050620_0506-14	001_6_4050620_0506-14	0506-14	Phùng Minh Sơn	42	12/01/2019	9	2	HNAA409
446	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	5_4050623	001_5_4050623	0506-03	Trần Thùy Dương	40	05/01/2019	4	2	HNBG601
447	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	5_4050623	002_5_4050623	0506-03	Trần Thùy Dương	21	05/01/2019	4	2	HNBG608
448	4050625	Thanh tra đất đai	6_4050625_0506-04	003_6_4050625_0506-04	0506-04	Nguyễn Thị Dung	38	03/01/2019	4	2	HNBG603
449	4050625	Thanh tra đất đai	6_4050625_0506-04	001_6_4050625_0506-04	0506-04	Nguyễn Thị Dung	40	03/01/2019	4	2	HNBG201
450	4050625	Thanh tra đất đai	6_4050625_0506-04	002_6_4050625_0506-04	0506-04	Nguyễn Thị Dung	40	03/01/2019	4	2	HNBG301
451	4050626	Quản lý tài chính đất đai	6_4050626_0506-10	001_6_4050626_0506-10	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga	40	12/01/2019	2	2	HNAA405
452	4050626	Quản lý tài chính đất đai	6_4050626_0506-10	002_6_4050626_0506-10	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga	21	12/01/2019	2	2	HNAA303
453	4050644	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	6_4050644_0506-13	001_6_4050644_0506-13	0506-13	Trần Xuân Miến	36	09/01/2019	4	2	HNAA307
454	4050646	Giao đất, thu hồi đất	6_4050646_0506-04	001_6_4050646_0506-04	0506-04	Nguyễn Thị Dung	62	10/01/2019	4	2	HNAD101
455	4050706	Bản đồ địa lý chung 1	6_4050706_0507-11	001_6_4050706_0507-11	0507-11	Phạm Văn Hiệp	26	08/01/2019	2	2	HNAA402
456	4050707	Bản đồ chuyên đề + ĐA	5_4050707	001_5_4050707	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo	22	11/01/2019	2	2	HNAA405
457	4050709	Trình bày bản đồ 1	6_4050709_0507-08	001_6_4050709_0507-08	0507-08	Trần Thị Tuyết Vinh	22	10/01/2019	2	2	HNAB401
458	4050712	Cơ sở dữ liệu GIS	6_4050712_0507-11	001_6_4050712_0507-11	0507-11	Phạm Văn Hiệp	43	10/01/2019	4	2	HNAB201
459	4050713	Internet – GIS	6_4050713_0507-06	001_6_4050713_0507-06	0507-06	Bùi Ngọc Quý	42	07/01/2019	7	2	HNAB206
460	4050714	ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bđô	6_4050714_0507-07	001_6_4050714_0507-07	0507-07	Dương Anh Quân	43	12/01/2019	4	2	HNAB303
461	4050715	ứng dụng tư liệu viễn thám trong thành lập bản đồ chuyên đề	6_4050715_0507-12	001_6_4050715_0507-12	0507-12	Nguyễn Văn Lợi	43	12/01/2019	2	2	HNAB205
462	4050718	ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định	6_4050718_0507-07	001_6_4050718_0507-07	0507-07	Dương Anh Quân	44	10/01/2019	2	2	HNAB303
463	4050720	Sử dụng phần mềm GIS	6_4050720_0507-12	001_6_4050720_0507-12	0507-12	Nguyễn Văn Lợi	44	08/01/2019	4	2	HNAB204
464	4050813	Tiếng Anh chuyên ngành trắc địa	5_4050813	001_5_4050813	0503-07	Trần Hồng Hạnh	39	05/01/2019	7	2	HNBG602
465	4060102	Lý thuyết trường + BTL	6_4060102_0601-17	001_6_4060102_0601-17	0601-17	Trương Thị Chinh	36	08/01/2019	2	2	HNAA407
466	4060104	Thăm dò điện khoáng sản và môi trường + ĐA	6_4060104_0601-07	001_6_4060104_0601-07	0601-07	Kiều Duy Thông	19	08/01/2019	2	2	HNAB405
467	4060116	Thăm dò phóng xạ khoáng sản và môi trường + ĐA	6_4060116_0601-02	001_6_4060116_0601-02	0601-02	Lê Khánh Phồn	22	10/01/2019	2	2	HNAD304
468	4060117	Thăm dò địa chấn	5_4060117	002_5_4060117	0601-09	Phan Thiên Hương	26	04/01/2019	7	2	HNBG408

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
469	4060117	Thăm dò địa chấn	5_4060117	001_5_4060117	0601-09	Phan Thiên Hương	26	04/01/2019	7	2	HNBG107
470	4060118	Xử lý số liệu địa chấn + ĐA	6_4060118_0601-11	001_6_4060118_0601-11	0601-11	Nguyễn Thanh Tùng	20	10/01/2019	7	2	HNAB205
471	4060119	Địa chấn địa tầng + BTL	6_4060119_0601-09	001_6_4060119_0601-09	0601-09	Phan Thiên Hương	58	08/01/2019	2	2	HNAD402
472	4060120	Thăm dò địa chấn khoáng sản và môi trường + BTL	6_4060120_0601-09	001_6_4060120_0601-09	0601-09	Phan Thiên Hương	21	08/01/2019	4	2	HNAB201
473	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	5_4060121	001_5_4060121	0601-14	Vũ Hồng Dương	40	09/01/2019	9	2	HNAD303
474	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	5_4060121	002_5_4060121	0601-14	Vũ Hồng Dương	44	09/01/2019	9	2	HNAA207
475	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí + ĐA	6_4060123_0601-05	001_6_4060123_0601-05	0601-05	Lê Hải An	20	12/01/2019	2	2	HNAA205
476	4060126	Tổ hợp các phương pháp địa vật lý khoáng sản và môi trường	6_4060126_0601-07	001_6_4060126_0601-07	0601-07	Kiều Duy Thông	19	10/01/2019	4	2	HNAB405
477	4060144	Thăm dò điện 2	6_4060144_0601-07	001_6_4060144_0601-07	0601-07	Kiều Duy Thông	45	08/01/2019	4	2	HNAD402
478	4060201	Trầm tích, tướng đá, cổ địa lý + TH	6_4060201_0602-01	001_6_4060201_0602-01	0602-01	Nguyễn Kim Long	42	08/01/2019	4	2	HNAB207
479	4060206	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí	5_4060206	001_5_4060206	0602-08	Lê Ngọc ánh	37	02/01/2019	9	2	HNBG507
480	4060209	Địa chất dầu khí Việt nam và Thế giới	6_4060209_0602-05	001_6_4060209_0602-05	0602-05	Nguyễn Thị Minh Hồng	40	10/01/2019	4	2	HNAD204
481	4060212	Địa chất giếng khoan dầu khí	6_4060212_0602-12	001_6_4060212_0602-12	0602-12	Bùi Thị Ngân	38	07/01/2019	4	2	HNAA303
482	4060216	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	6_4060216_0602-12	001_6_4060216_0602-12	0602-12	Bùi Thị Ngân	70	03/01/2019	9	2	HNBG202
483	4060218	Địa chất dầu khí	5_4060218	001_5_4060218	0602-05 ---0602-06	Nguyễn Thị Minh Hồng ---Phạm Văn Tuấn	69	07/01/2019	7	2	HNAD101
484	4060223	Mô hình hóa tầng chứa dầu khí	6_4060223_0602-08	001_6_4060223_0602-08	0602-08	Lê Ngọc ánh	55	10/01/2019	2	2	HNAB204
485	4060231	Địa chất dầu khí đại cương	5_4060231	001_5_4060231	0602-12	Bùi Thị Ngân	41	07/01/2019	7	2	HNAD101
486	4060302	Hoá hữu cơ 1	5_4060302	001_5_4060302	0603-06 ---0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy ---Tống Thị Thanh Hương	40	12/01/2019	4	2	HNAA308
487	4060302	Hoá hữu cơ 1	5_4060302	002_5_4060302	0603-06 ---0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy ---Tống Thị Thanh Hương	49	12/01/2019	4	2	HNAA208
488	4060305	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	5_4060305	001_5_4060305	0603-13	Vũ Văn Toàn	32	04/01/2019	9	2	HNBG502
489	4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	5_4060307	001_5_4060307	0603-11	Công Ngọc Thắng	26	04/01/2019	7	2	HNBG606
490	4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	5_4060307	002_5_4060307	0603-11	Công Ngọc Thắng	27	04/01/2019	7	2	HNBG102
491	4060308	Kỹ thuật phản ứng	5_4060308	001_5_4060308	0603-14	Ngô Hà Sơn	27	05/01/2019	2	2	HNBG301
492	4060308	Kỹ thuật phản ứng	5_4060308	002_5_4060308	0603-14	Ngô Hà Sơn	28	05/01/2019	2	2	HNBG603
493	4060311	Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học	5_4060311	001_5_4060311	0603-06	Tống Thị Thanh Hương	35	02/01/2019	9	2	HNBG602
494	4060315	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	5_4060315	002_5_4060315	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	29	02/01/2019	4	2	HNBG507

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
495	4060315	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	5_4060315	001_5_4060315	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	29	02/01/2019	4	2	HNBG406
496	4060317	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	5_4060317	001_5_4060317	0603-14	Ngô Hà Sơn	42	08/01/2019	9	2	HNAB204
497	4060321	An toàn lao động trong công nghệ hoá học	5_4060321	001_5_4060321	0603-09	Phạm Xuân Núi	56	07/01/2019	9	2	HNAA208
498	4060322	Công nghệ chế biến khí	5_4060322	003_5_4060322	0603-11	Công Ngọc Thắng	28	07/01/2019	4	2	HNAA405
499	4060322	Công nghệ chế biến khí	5_4060322	001_5_4060322	0603-11	Công Ngọc Thắng	40	07/01/2019	4	2	HNAA305
500	4060322	Công nghệ chế biến khí	5_4060322	002_5_4060322	0603-11	Công Ngọc Thắng	40	07/01/2019	4	2	HNAB305
501	4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme	5_4060323	003_5_4060323	0603-08	Nguyễn Thị Linh	25	08/01/2019	9	2	HNAD202
502	4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme	5_4060323	001_5_4060323	0603-08	Nguyễn Thị Linh	40	08/01/2019	9	2	HNAB202
503	4060323	Công nghệ hóa dầu và chế biến Polyme	5_4060323	002_5_4060323	0603-08	Nguyễn Thị Linh	40	08/01/2019	9	2	HNAB206
504	4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	5_4060324	003_5_4060324	0603-07	Phạm Trung Kiên	28	08/01/2019	7	2	HNAA307
505	4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	5_4060324	001_5_4060324	0603-07	Phạm Trung Kiên	40	08/01/2019	7	2	HNAA304
506	4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	5_4060324	002_5_4060324	0603-07	Phạm Trung Kiên	40	08/01/2019	7	2	HNAD302
507	4060325	Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu	5_4060325	001_5_4060325	0603-04	Nguyễn Anh Dũng	35	09/01/2019	7	2	HNAA405
508	4060329	Xúc tác trong công nghệ hoá dầu	6_4060329_0603-08	001_6_4060329_0603-08	0603-08	Nguyễn Thị Linh	57	10/01/2019	4	2	HNAD402
509	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	5_4060402	001_5_4060402	0604-12	Nguyễn Văn Thành	40	04/01/2019	4	2	HNBG603
510	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	5_4060402	002_5_4060402	0604-12	Nguyễn Văn Thành	23	04/01/2019	4	2	HNBG503
511	4060406	Dung dịch khoan và vữa trám + TN	5_4060406	001_5_4060406	0604-02	Trần Đình Kiên	42	04/01/2019	7	2	HNBG407
512	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	5_4060410	001_5_4060410	0604-09	Doãn Thị Trâm	38	04/01/2019	9	2	HNBG506
513	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	5_4060412	001_5_4060412	0604-04	Vũ Thiết Thạch	96	07/01/2019	11	2	HNAD101
514	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	5_4060413	002_5_4060413	0604-07 ---0604-19	Lê Quang Duyên ---Nguyễn Tiên Hùng	86	11/01/2019	7	2	HNAD301
515	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	5_4060413	001_5_4060413	0604-07 ---0604-19	Lê Quang Duyên ---Nguyễn Tiên Hùng	40	11/01/2019	7	2	HNAA305
516	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	5_4060416	001_5_4060416	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	40	11/01/2019	7	2	HNAB305
517	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	5_4060416	002_5_4060416	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	40	11/01/2019	7	2	HNAA405
518	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	5_4060416	003_5_4060416	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	26	11/01/2019	7	2	HNAA303
519	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	5_4060417	002_5_4060417	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	40	08/01/2019	7	2	HNAA409
520	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	5_4060417	003_5_4060417	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	38	08/01/2019	7	2	HNAA205

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
521	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	5_4060417	001_5_4060417	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	40	08/01/2019	7	2	HNAD303
522	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan	5_4060418	001_5_4060418	0604-19	Nguyễn Tiến Hùng	54	07/01/2019	2	2	HNAA208
523	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	5_4060420	001_5_4060420	0604-01	Lê Xuân Lân	60	12/01/2019	7	2	HNAA208
524	4060426	Khoan thăm dò - khảo sát	5_4060426	001_5_4060426	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	40	07/01/2019	7	2	HNAD204
525	4060426	Khoan thăm dò - khảo sát	5_4060426	002_5_4060426	0604-13	Nguyễn Trần Tuấn	21	07/01/2019	7	2	HNAB404
526	4060436	Kỹ thuật khoan	5_4060436	001_5_4060436	0604-17	Trương Văn Từ	36	08/01/2019	7	2	HNAB201
527	4060438	Công nghệ khoan dầu khí 1	5_4060438	001_5_4060438	0604-05	Nguyễn Thế Vinh	27	08/01/2019	4	2	HNAB202
528	4060440	Công nghệ khai thác dầu khí 1	5_4060440	001_5_4060440	0604-04	Vũ Thiét Thạch	45	11/01/2019	2	2	HNAA208
529	4060501	Kỹ thuật ma sát	5_4060501	001_5_4060501	0605-03	Lê Đức Vinh	58	07/01/2019	7	2	HNAB204
530	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	5_4060504	001_5_4060504	0605-02	Nguyễn Văn Giáp	43	05/01/2019	4	2	HNBG108
531	4060506	Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan	6_4060506_0605-02	001_6_4060506_0605-02	0605-02	Nguyễn Văn Giáp	23	08/01/2019	2	2	HNAA406
532	4060521	Thiết bị khai thác dầu khí 1	5_4060521	001_5_4060521	0605-04	Nguyễn Văn Thịnh	37	02/01/2019	4	2	HNBG408
533	4060523	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát	5_4060523	001_5_4060523	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	41	05/01/2019	4	2	HNBG606
534	4070101	Kinh tế vi mô	5_4070101	001_5_4070101	0701-05 ---0701-10	Nguyễn Thanh Thảo ---Phí Mạnh Cường	40	10/01/2019	11	2	HNAA305
535	4070101	Kinh tế vi mô	5_4070101	002_5_4070101	0701-05 ---0701-10	Nguyễn Thanh Thảo ---Phí Mạnh Cường	118	10/01/2019	11	2	HNAD201
536	4070102	Kinh tế vĩ mô	5_4070102_1	005_5_4070102_1	0701-02 ---0701-03 ---0701-04 ---0701-09 ---0702-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc ---Nguyễn Thị Hồng Loan ---Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Nguyễn Văn Bưởi ---Trần Anh Dũng	60	08/01/2019	9	2	HNAD401
537	4070102	Kinh tế vĩ mô	5_4070102_2	001_5_4070102_2	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc	43	08/01/2019	9	2	HNAD301
538	4070102	Kinh tế vĩ mô	5_4070102_1	001_5_4070102_1	0701-02 ---0701-03 ---0701-04 ---0701-09 ---0702-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc ---Nguyễn Thị Hồng Loan ---Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Nguyễn Văn Bưởi ---Trần Anh Dũng	60	08/01/2019	9	2	HNAD402
539	4070102	Kinh tế vĩ mô	5_4070102_1	004_5_4070102_1	0701-02 ---0701-03 ---0701-04 ---0701-09 ---0702-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc ---Nguyễn Thị Hồng Loan ---Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Nguyễn Văn Bưởi ---Trần Anh Dũng	120	08/01/2019	9	2	HNAD101
540	4070102	Kinh tế vĩ mô	5_4070102_1	003_5_4070102_1	0701-02 ---0701-03 ---0701-04 ---0701-09 ---0702-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc ---Nguyễn Thị Hồng Loan ---Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Nguyễn Văn Bưởi ---Trần Anh Dũng	120	08/01/2019	9	2	HNAD201

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
541	4070102	Kinh tế vĩ mô	5_4070102_1	002_5_4070102_1	0701-02 ---0701-03 ---0701-04 ---0701-09 ---0702-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc ---Nguyễn Thị Hồng Loan ---Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Nguyễn Văn Bưởi ---Trần Anh Dũng	60	08/01/2019	9	2	HNAD403
542	4070103	Kinh tế lượng	5_4070103_2	001_5_4070103_2	0701-08	Vũ Thị Hiền	70	07/01/2019	7	2	HNAD301
543	4070103	Kinh tế lượng	5_4070103_1	003_5_4070103_1	0701-03 ---0701-06 ---0701-08	Nguyễn Thị Hồng Loan ---Vũ Diệp Anh ---Vũ Thị Hiền	120	09/01/2019	2	2	HNAD201
544	4070103	Kinh tế lượng	5_4070103_1	002_5_4070103_1	0701-03 ---0701-06 ---0701-08	Nguyễn Thị Hồng Loan ---Vũ Diệp Anh ---Vũ Thị Hiền	60	09/01/2019	2	2	HNAD403
545	4070103	Kinh tế lượng	5_4070103_1	005_5_4070103_1	0701-03 ---0701-06 ---0701-08	Nguyễn Thị Hồng Loan ---Vũ Diệp Anh ---Vũ Thị Hiền	60	09/01/2019	2	2	HNAD401
546	4070103	Kinh tế lượng	5_4070103_1	004_5_4070103_1	0701-03 ---0701-06 ---0701-08	Nguyễn Thị Hồng Loan ---Vũ Diệp Anh ---Vũ Thị Hiền	120	09/01/2019	2	2	HNAD101
547	4070103	Kinh tế lượng	5_4070103_1	001_5_4070103_1	0701-03 ---0701-06 ---0701-08	Nguyễn Thị Hồng Loan ---Vũ Diệp Anh ---Vũ Thị Hiền	60	09/01/2019	2	2	HNAD402
548	4070105	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	6_4070105_0701-06	001_6_4070105_0701-06	0701-06	Vũ Diệp Anh	53	10/01/2019	4	2	HNAD403
549	4070106	Tin học ứng dụng trong kinh tế	6_4070106_0701-07	002_6_4070106_0701-07	0701-07	Phạm Thu Trang	102	10/01/2019	2	2	HNAD201
550	4070106	Tin học ứng dụng trong kinh tế	6_4070106_0701-07	001_6_4070106_0701-07	0701-07	Phạm Thu Trang	40	10/01/2019	2	2	HNAA305
551	4070107	Luật kinh tế	5_4070107	001_5_4070107	0701-05 ---0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Phí Mạnh Cường	40	05/01/2019	4	2	HNBG602
552	4070107	Luật kinh tế	5_4070107	003_5_4070107	0701-05 ---0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Phí Mạnh Cường	40	05/01/2019	4	2	HNBG502
553	4070107	Luật kinh tế	5_4070107	004_5_4070107	0701-05 ---0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Phí Mạnh Cường	37	05/01/2019	4	2	HNBG201
554	4070107	Luật kinh tế	5_4070107	002_5_4070107	0701-05 ---0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh ---Phí Mạnh Cường	40	05/01/2019	4	2	HNBG506
555	4070109	Kinh doanh quốc tế	6_4070109_0701-10	002_6_4070109_0701-10	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	40	03/01/2019	7	2	HNBG103
556	4070109	Kinh doanh quốc tế	6_4070109_0701-10	003_6_4070109_0701-10	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	66	03/01/2019	7	2	HNBG206
557	4070109	Kinh doanh quốc tế	6_4070109_0701-10	001_6_4070109_0701-10	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	40	03/01/2019	7	2	HNBG501
558	4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	5_4070111	002_5_4070111	0701-04	Trần Anh Dũng	24	07/01/2019	2	2	HNAA303
559	4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	5_4070111	001_5_4070111	0701-04	Trần Anh Dũng	40	07/01/2019	2	2	HNAA405
560	4070205	Marketing căn bản	5_4070205	001_5_4070205	0702-09	Phan Thị Thùy Linh	50	12/01/2019	2	2	HNAB204
561	4070208	Quản trị chất lượng	5_4070208	002_5_4070208	0703-09	Nguyễn Thu Hà	61	04/01/2019	2	2	HNBG306
562	4070208	Quản trị chất lượng	5_4070208	001_5_4070208	0703-09	Nguyễn Thu Hà	40	04/01/2019	2	2	HNBG501

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
563	4070210	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp nhỏ	6_4070210_0702-12	001_6_4070210_0702-12	0702-12	Lê Đình Chiểu	50	08/01/2019	4	2	HNAA208
564	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	5_4070215	002_5_4070215	0702-07	Lê Thị Thu Hường	40	04/01/2019	4	2	HNBG607
565	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	5_4070215	004_5_4070215	0702-07	Lê Thị Thu Hường	41	04/01/2019	4	2	HNBG507
566	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	5_4070215	001_5_4070215	0702-07	Lê Thị Thu Hường	40	04/01/2019	4	2	HNBG501
567	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	5_4070215	003_5_4070215	0702-07	Lê Thị Thu Hường	40	04/01/2019	4	2	HNBG406
568	4070301	Quản trị chiến lược	6_4070301_0703-04	006_6_4070301_0703-04	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	86	03/01/2019	2	2	HNBG206
569	4070301	Quản trị chiến lược	6_4070301_0703-04	005_6_4070301_0703-04	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	03/01/2019	2	2	HNBG507
570	4070301	Quản trị chiến lược	6_4070301_0703-04	004_6_4070301_0703-04	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	03/01/2019	2	2	HNBG406
571	4070301	Quản trị chiến lược	6_4070301_0703-04	003_6_4070301_0703-04	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	03/01/2019	2	2	HNBG607
572	4070301	Quản trị chiến lược	6_4070301_0703-04	001_6_4070301_0703-04	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	03/01/2019	2	2	HNBG501
573	4070301	Quản trị chiến lược	6_4070301_0703-04	002_6_4070301_0703-04	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	03/01/2019	2	2	HNBG103
574	4070303	Kinh tế công nghiệp	5_4070303_1	005_5_4070303_1	0702-05 ---0702-11 ---0702-12 ---0702-14 ---0702-15	Đồng Thị Bích ---Lê Đình Chiểu ---Lê Văn Chiến ---Nguyễn Thị Hường ---Nguyễn Văn Thường	60	08/01/2019	7	2	HNAD401
575	4070303	Kinh tế công nghiệp	5_4070303_1	001_5_4070303_1	0702-05 ---0702-11 ---0702-12 ---0702-14 ---0702-15	Đồng Thị Bích ---Lê Đình Chiểu ---Lê Văn Chiến ---Nguyễn Thị Hường ---Nguyễn Văn Thường	60	08/01/2019	7	2	HNAD402
576	4070303	Kinh tế công nghiệp	5_4070303_1	004_5_4070303_1	0702-05 ---0702-11 ---0702-12 ---0702-14 ---0702-15	Đồng Thị Bích ---Lê Đình Chiểu ---Lê Văn Chiến ---Nguyễn Thị Hường ---Nguyễn Văn Thường	120	08/01/2019	7	2	HNAD101
577	4070303	Kinh tế công nghiệp	5_4070303_2	001_5_4070303_2	0702-12	Lê Đình Chiểu	32	08/01/2019	7	2	HNAD301
578	4070303	Kinh tế công nghiệp	5_4070303_1	003_5_4070303_1	0702-05 ---0702-11 ---0702-12 ---0702-14 ---0702-15	Đồng Thị Bích ---Lê Đình Chiểu ---Lê Văn Chiến ---Nguyễn Thị Hường ---Nguyễn Văn Thường	120	08/01/2019	7	2	HNAD201
579	4070303	Kinh tế công nghiệp	5_4070303_1	002_5_4070303_1	0702-05 ---0702-11 ---0702-12 ---0702-14 ---0702-15	Đồng Thị Bích ---Lê Đình Chiểu ---Lê Văn Chiến ---Nguyễn Thị Hường ---Nguyễn Văn Thường	60	08/01/2019	7	2	HNAD403
580	4070305	Kinh tế môi trường	5_4070305	003_5_4070305	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	28	11/01/2019	9	2	HNAA405
581	4070305	Kinh tế môi trường	5_4070305	001_5_4070305	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	11/01/2019	9	2	HNAA305
582	4070305	Kinh tế môi trường	5_4070305	002_5_4070305	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	40	11/01/2019	9	2	HNAB305
583	4070306	Định mức kinh tế kỹ thuật	5_4070306	003_5_4070306	0703-03	Phan Thị Thái	28	02/01/2019	9	2	HNBG406

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
584	4070306	Định mức kinh tế kỹ thuật	5_4070306	001_5_4070306	0703-03	Phan Thị Thái	40	02/01/2019	9	2	HNBG501
585	4070306	Định mức kinh tế kỹ thuật	5_4070306	002_5_4070306	0703-03	Phan Thị Thái	27	02/01/2019	9	2	HNBG607
586	4070307	Quản trị dự án đầu tư	5_4070307	001_5_4070307	0703-07	Lê Minh Thống	120	11/01/2019	4	2	HNAD401
587	4070307	Quản trị dự án đầu tư	5_4070307	002_5_4070307	0703-07	Lê Minh Thống	84	11/01/2019	4	2	HNAD301
588	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	5_4070309	002_5_4070309	0702-04 ---0702-06 ---0702-07 ---0703-01 ---0703-10	Lê Thị Thu Hường ---Nguyễn Đức Thành ---Nguyễn Ngọc Khánh ---Nguyễn Thị Hoài Nga ---Phạm Ngọc Tuấn	60	11/01/2019	2	2	HNAD403
589	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	5_4070309	003_5_4070309	0702-04 ---0702-06 ---0702-07 ---0703-01 ---0703-10	Lê Thị Thu Hường ---Nguyễn Đức Thành ---Nguyễn Ngọc Khánh ---Nguyễn Thị Hoài Nga ---Phạm Ngọc Tuấn	120	11/01/2019	2	2	HNAD201
590	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	5_4070309	004_5_4070309	0702-04 ---0702-06 ---0702-07 ---0703-01 ---0703-10	Lê Thị Thu Hường ---Nguyễn Đức Thành ---Nguyễn Ngọc Khánh ---Nguyễn Thị Hoài Nga ---Phạm Ngọc Tuấn	127	11/01/2019	2	2	HNAD101
591	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	5_4070309	001_5_4070309	0702-04 ---0702-06 ---0702-07 ---0703-01 ---0703-10	Lê Thị Thu Hường ---Nguyễn Đức Thành ---Nguyễn Ngọc Khánh ---Nguyễn Thị Hoài Nga ---Phạm Ngọc Tuấn	60	11/01/2019	2	2	HNAD402
592	4070311	Quản trị sản xuất	6_4070311_0703-08	003_6_4070311_0703-08	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	25	03/01/2019	4	2	HNBG101
593	4070311	Quản trị sản xuất	6_4070311_0703-08	001_6_4070311_0703-08	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	40	03/01/2019	4	2	HNBG106
594	4070311	Quản trị sản xuất	6_4070311_0703-08	002_6_4070311_0703-08	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	24	03/01/2019	4	2	HNBG508
595	4070313	Kinh tế phát triển	5_4070313	001_5_4070313	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	40	07/01/2019	9	2	HNAB205
596	4070313	Kinh tế phát triển	5_4070313	002_5_4070313	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	40	07/01/2019	9	2	HNAD303
597	4070313	Kinh tế phát triển	5_4070313	003_5_4070313	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	37	07/01/2019	9	2	HNAA203
598	4070314	Quản trị thương mại	5_4070314	002_5_4070314	0702-12 ---0703-08	Lê Đình Chiểu ---Nguyễn Lan Hoàng Thảo	40	12/01/2019	9	2	HNAD303
599	4070314	Quản trị thương mại	5_4070314	001_5_4070314	0702-12 ---0703-08	Lê Đình Chiểu ---Nguyễn Lan Hoàng Thảo	40	12/01/2019	9	2	HNAB205
600	4070314	Quản trị thương mại	5_4070314	003_5_4070314	0702-12 ---0703-08	Lê Đình Chiểu ---Nguyễn Lan Hoàng Thảo	30	12/01/2019	9	2	HNAA203
601	4070315	Quản trị marketing	5_4070315	002_5_4070315	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy	53	09/01/2019	2	2	HNAA207
602	4070315	Quản trị marketing	5_4070315	001_5_4070315	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy	40	09/01/2019	2	2	HNAA203
603	4070324	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp dầu khí	6_4070324_0703-10	001_6_4070324_0703-10	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	23	08/01/2019	2	2	HNAB401
604	4070331	Quản trị dự án đầu tư	5_4070331	002_5_4070331	0702-05	Đồng Thị Bích	23	09/01/2019	9	2	HNAB305
605	4070331	Quản trị dự án đầu tư	5_4070331	001_5_4070331	0702-05	Đồng Thị Bích	40	09/01/2019	9	2	HNAA305

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
606	4070401	Nguyên lý kế toán	5_4070401	002_5_4070401	0704-19	Phan Minh Quang	21	09/01/2019	7	2	HNAB305
607	4070401	Nguyên lý kế toán	5_4070401	001_5_4070401	0704-19	Phan Minh Quang	40	09/01/2019	7	2	HNAA305
608	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-04	003_6_4070403_0704-04	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	40	03/01/2019	2	2	HNBG503
609	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-04	005_6_4070403_0704-04	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	25	03/01/2019	2	2	HNBG608
610	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-04	002_6_4070403_0704-04	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	40	03/01/2019	2	2	HNBG603
611	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-04	001_6_4070403_0704-04	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	40	03/01/2019	2	2	HNBG301
612	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-04	004_6_4070403_0704-04	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	40	03/01/2019	2	2	HNBG601
613	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-08	001_6_4070403_0704-08	0704-08	Nguyễn Tiên Hưng	36	03/01/2019	9	2	HNBG402
614	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-13	002_6_4070403_0704-13	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu	21	03/01/2019	9	2	HNBG301
615	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-03	002_6_4070403_0704-03	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	25	03/01/2019	9	2	HNBG107
616	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-03	001_6_4070403_0704-03	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	24	03/01/2019	9	2	HNBG102
617	4070403	Kế toán tài chính 1	6_4070403_0704-13	001_6_4070403_0704-13	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu	40	03/01/2019	9	2	HNBG201
618	4070404	Kế toán tài chính 2	6_4070404_0704-13	001_6_4070404_0704-13	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu	18	10/01/2019	2	2	HNAB405
619	4070406	Tài chính doanh nghiệp	5_4070406	001_5_4070406	0704-06	Lưu Thị Thu Hà	39	02/01/2019	2	2	HNBG406
620	4070407	Kế toán quản trị	5_4070407	003_5_4070407	0704-07 ---0704-12	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Hồng Hạnh	120	11/01/2019	4	2	HNAD201
621	4070407	Kế toán quản trị	5_4070407	002_5_4070407	0704-07 ---0704-12	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Hồng Hạnh	60	11/01/2019	4	2	HNAD403
622	4070407	Kế toán quản trị	5_4070407	004_5_4070407	0704-07 ---0704-12	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Hồng Hạnh	92	11/01/2019	4	2	HNAD101
623	4070407	Kế toán quản trị	5_4070407	001_5_4070407	0704-07 ---0704-12	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Hồng Hạnh	60	11/01/2019	4	2	HNAD402
624	4070409	Kiểm toán căn bản	5_4070409	004_5_4070409	0704-03 ---0704-10 ---0704-13	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Thị Minh Thu ---Phạm Thu Hương	90	12/01/2019	4	2	HNAD101
625	4070409	Kiểm toán căn bản	5_4070409	001_5_4070409	0704-03 ---0704-10 ---0704-13	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Thị Minh Thu ---Phạm Thu Hương	60	12/01/2019	4	2	HNAD402
626	4070409	Kiểm toán căn bản	5_4070409	002_5_4070409	0704-03 ---0704-10 ---0704-13	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Thị Minh Thu ---Phạm Thu Hương	60	12/01/2019	4	2	HNAD403
627	4070409	Kiểm toán căn bản	5_4070409	003_5_4070409	0704-03 ---0704-10 ---0704-13	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Thị Minh Thu ---Phạm Thu Hương	120	12/01/2019	4	2	HNAD201
628	4070411	Tài chính tiền tệ	5_4070411	001_5_4070411	0704-06	Lưu Thị Thu Hà	16	09/01/2019	7	2	HNAA308
629	4070414	Thị trường chứng khoán	5_4070414	001_5_4070414	0704-05 ---0704-11	Dương Thị Nhân ---Phí Thị Kim Thư	40	11/01/2019	7	2	HNAA409
630	4070414	Thị trường chứng khoán	5_4070414	002_5_4070414	0704-05 ---0704-11	Dương Thị Nhân ---Phí Thị Kim Thư	58	11/01/2019	7	2	HNAB204
631	4070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	5_4070419	002_5_4070419	0704-17 ---0704-19	Nguyễn Thị Huyền Trang ---Phan Minh Quang	40	09/01/2019	4	2	HNAB305
632	4070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	5_4070419	001_5_4070419	0704-17 ---0704-19	Nguyễn Thị Huyền Trang ---Phan Minh Quang	40	09/01/2019	4	2	HNAA305

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
633	4070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	5_4070419	003_5_4070419	0704-17 ---0704-19	Nguyễn Thị Huyền Trang ---Phan Minh Quang	99	09/01/2019	4	2	HNAD301
634	4070420	Thuế	5_4070420	001_5_4070420	0704-04 ---0704-06 ---0704-16	Lê Thị Thu Hồng ---Lư Thị Thu Hà ---Nguyễn Thị Kim Oanh	120	09/01/2019	9	2	HNAD401
635	4070420	Thuế	5_4070420	002_5_4070420	0704-04 ---0704-06 ---0704-16	Lê Thị Thu Hồng ---Lư Thị Thu Hà ---Nguyễn Thị Kim Oanh	70	09/01/2019	9	2	HNAD301
636	4070421	Kế toán chi phí sản xuất	6_4070421_0704-12	002_6_4070421_0704-12	0704-12	Phạm Minh Hải	37	03/01/2019	4	2	HNBG401
637	4070421	Kế toán chi phí sản xuất	6_4070421_0704-12	001_6_4070421_0704-12	0704-12	Phạm Minh Hải	40	03/01/2019	4	2	HNBG402
638	4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	5_4070422	001_5_4070422	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang	40	08/01/2019	9	2	HNAB401
639	4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	5_4070422	002_5_4070422	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang	32	08/01/2019	9	2	HNAA306
640	4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	5_4070423	002_5_4070423	0704-03 ---0704-08	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Tiến Hưng	40	08/01/2019	9	2	HNAD302
641	4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	5_4070423	001_5_4070423	0704-03 ---0704-08	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Tiến Hưng	40	08/01/2019	9	2	HNAA304
642	4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	5_4070423	003_5_4070423	0704-03 ---0704-08	Nguyễn Thị Bích Phượng ---Nguyễn Tiến Hưng	37	08/01/2019	9	2	HNAA307
643	4070424	Thanh toán quốc tế	5_4070424	001_5_4070424	0704-16	Lê Thị Thu Hồng	46	08/01/2019	7	2	HNAA207
644	4070433	Phân tích chính sách công	6_4070433_0704-12	001_6_4070433_0704-12	0704-12	Phạm Minh Hải	36	10/01/2019	2	2	HNAD204
645	4070437	Kế toán hành chính sự nghiệp	5_4070437	001_5_4070437	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	37	08/01/2019	7	2	HNAA407
646	4070438	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	6_4070438_0704-11	001_6_4070438_0704-11	0704-11	Dương Thị Nhân	36	03/01/2019	9	2	HNBG403
647	4070443	Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp	6_4070443_	001_6_4070443_	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	1	10/01/2019	2	2	HNAA404
648	4070444	Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ	5_4070444	001_5_4070444	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	7	11/01/2019	2	2	HNAB205
649	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	5_4080101	002_5_4080101	0804-12 ---0805-05	Nguyễn Duy Huy ---Trương Xuân Bình	60	07/01/2019	7	2	HNAD403
650	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	5_4080101	003_5_4080101	0804-12 ---0805-05	Nguyễn Duy Huy ---Trương Xuân Bình	120	07/01/2019	7	2	HNAD201
651	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	5_4080101	004_5_4080101	0804-12 ---0805-05	Nguyễn Duy Huy ---Trương Xuân Bình	72	07/01/2019	7	2	HNAD401
652	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	5_4080101	001_5_4080101	0804-12 ---0805-05	Nguyễn Duy Huy ---Trương Xuân Bình	60	07/01/2019	7	2	HNAD402
653	4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	6_4080103_0805-04	001_6_4080103_0805-04	0805-04	Nông Thị Oanh	40	03/01/2019	7	2	HNBG106
654	4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	6_4080103_0805-04	002_6_4080103_0805-04	0805-04	Nông Thị Oanh	25	03/01/2019	7	2	HNBG508
655	4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	6_4080103_0803-02	001_6_4080103_0803-02	0803-02	Trần Trung Chuyên	16	09/01/2019	7	2	HNAB205
656	4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	6_4080103_0801-04	001_6_4080103_0801-04	0801-04	Phạm Văn Đồng	120	10/01/2019	11	2	HNAD301

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
657	4080103	Phân tích và thiết kế hệ thống + ĐA	6_4080103_0806-02	001_6_4080103_0806-02	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	58	12/01/2019	9	2	HNAB207
658	4080104	Phân tích và đặc tả yêu cầu phần mềm	6_4080104_0801-13	001_6_4080104_0801-13	0801-13	Nguyễn Thị Thanh	27	07/01/2019	7	2	HNAD202
659	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	6_4080105_0801-04	004_6_4080105_0801-04	0801-04	Phạm Văn Đồng	40	03/01/2019	2	2	HNBG201
660	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	6_4080105_0801-04	005_6_4080105_0801-04	0801-04	Phạm Văn Đồng	65	03/01/2019	2	2	HNBG202
661	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	6_4080105_0801-04	001_6_4080105_0801-04	0801-04	Phạm Văn Đồng	40	03/01/2019	2	2	HNBG602
662	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	6_4080105_0801-04	003_6_4080105_0801-04	0801-04	Phạm Văn Đồng	40	03/01/2019	2	2	HNBG502
663	4080105	Lập trình .NET 1 + BTL	6_4080105_0801-04	002_6_4080105_0801-04	0801-04	Phạm Văn Đồng	40	03/01/2019	2	2	HNBG506
664	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	5_4080106	001_5_4080106	0801-02 ---0801-06	Hoàng Anh Đức ---Nguyễn Thế Lộc	120	11/01/2019	9	2	HNAD401
665	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	5_4080106	002_5_4080106	0801-02 ---0801-06	Hoàng Anh Đức ---Nguyễn Thế Lộc	32	11/01/2019	9	2	HNAD301
666	4080107	Tương tác người - máy	6_4080107_0801-06	001_6_4080107_0801-06	0801-06	Hoàng Anh Đức	40	08/01/2019	4	2	HNAA305
667	4080107	Tương tác người - máy	6_4080107_0801-06	002_6_4080107_0801-06	0801-06	Hoàng Anh Đức	104	08/01/2019	4	2	HNAD201
668	4080108	Lập trình Java	6_4080108_0805-07	001_6_4080108_0805-07	0805-07	Lê Hồng Anh	19	10/01/2019	2	2	HNAA306
669	4080108	Lập trình Java	6_4080108_0801-14	003_6_4080108_0801-14	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang	50	12/01/2019	4	2	HNAB204
670	4080108	Lập trình Java	6_4080108_0801-14	001_6_4080108_0801-14	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang	40	12/01/2019	4	2	HNAA203
671	4080108	Lập trình Java	6_4080108_0801-14	002_6_4080108_0801-14	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang	40	12/01/2019	4	2	HNAA409
672	4080109	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	6_4080109_0806-08	001_6_4080109_0806-08	0806-08	Phạm Quang Hiền	40	08/01/2019	7	2	HNAA406
673	4080109	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	6_4080109_0806-08	002_6_4080109_0806-08	0806-08	Phạm Quang Hiền	36	08/01/2019	7	2	HNAB401
674	4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	6_4080113_0801-10	002_6_4080113_0801-10	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương	40	09/01/2019	4	2	HNAD302
675	4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	6_4080113_0801-10	001_6_4080113_0801-10	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương	40	09/01/2019	4	2	HNAA304
676	4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	6_4080113_0801-10	003_6_4080113_0801-10	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương	43	09/01/2019	4	2	HNAB303
677	4080113	Cơ sở dữ liệu nâng cao	6_4080113_0803-07	001_6_4080113_0803-07	0803-07	Trần Mai Hương	45	12/01/2019	9	2	HNAB303
678	4080115	Công nghệ phần mềm	6_4080115_0801-13	001_6_4080115_0801-13	0801-13	Nguyễn Thị Thanh	44	07/01/2019	11	2	HNAA208
679	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	6_4080116_0805-08	001_6_4080116_0805-08	0805-08	Đặng Văn Nam	40	10/01/2019	4	2	HNAA305
680	4080116	Lập trình .NET 2 + BTL	6_4080116_0805-08	002_6_4080116_0805-08	0805-08	Đặng Văn Nam	96	10/01/2019	4	2	HNAD201
681	4080117	Quản trị dự án công nghệ thông tin	6_4080117_0806-07	001_6_4080117_0806-07	0806-07	Nguyễn Thế Bình	65	09/01/2019	11	2	HNAD301
682	4080119	Chuyên đề 1	6_4080119_0801-06	001_6_4080119_0801-06	0801-06	Hoàng Anh Đức	26	11/01/2019	7	2	HNAA203
683	4080125	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	6_4080125_0801-06	001_6_4080125_0801-06	0801-06	Hoàng Anh Đức	97	10/01/2019	7	2	HNAD101
684	4080126	Tin học ứng dụng	6_4080126_0801-06	001_6_4080126_0801-06	0801-06	Hoàng Anh Đức	70	08/01/2019	2	2	HNAD301
685	4080130	An toàn và bảo mật thông tin	6_4080130_0801-06	001_6_4080130_0801-06	0801-06	Hoàng Anh Đức	22	09/01/2019	9	2	HNAB205
686	4080153	Thiết kế Website	6_4080153_0803-02	001_6_4080153_0803-02	0803-02	Trần Trung Chuyên	40	08/01/2019	2	2	HNAA305
687	4080153	Thiết kế Website	6_4080153_0803-02	002_6_4080153_0803-02	0803-02	Trần Trung Chuyên	112	08/01/2019	2	2	HNAD201
688	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	5_4080201	001_5_4080201	0802-04 ---0802-09	Tạ Quang Chiêu ---Vũ Lan Phương	94	09/01/2019	11	2	HNAD401
689	4080202	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)	5_4080202	001_5_4080202	0802-07	Đào Thu Vân	24	02/01/2019	4	2	HNBG508

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
690	4080203	Cơ sở lập trình	5_4080203_5	001_5_4080203_5	0802-14 ---0804-04	Đặng Quốc Trung ---Phạm Đức Hậu	91	11/01/2019	11	2	HNAC504
691	4080203	Cơ sở lập trình	5_4080203_4	001_5_4080203_4	0802-02 ---0802-09 ---0802-14	Đặng Hữu Nghị ---Đặng Quốc Trung ---Vũ Lan Phương	100	11/01/2019	2	2	HNAC504
692	4080203	Cơ sở lập trình	5_4080203_3	001_5_4080203_3	0802-02 ---0804-04	Đặng Hữu Nghị ---Phạm Đức Hậu	100	11/01/2019	4	2	HNAC504
693	4080203	Cơ sở lập trình	5_4080203_1	001_5_4080203_1	0802-02 ---0802-04	Đặng Hữu Nghị ---Tạ Quang Chiêu	100	11/01/2019	7	2	HNAC504
694	4080203	Cơ sở lập trình	5_4080203_2	001_5_4080203_2	0802-02 ---0802-04 ---0804-04	Đặng Hữu Nghị ---Phạm Đức Hậu ---Tạ Quang Chiêu	100	11/01/2019	9	2	HNAC504
695	4080206	Cơ sở dữ liệu	5_4080206	003_5_4080206	0802-07 ---0802-13	Bùi Thị Vân Anh ---Đào Thu Vân	40	07/01/2019	9	2	HNAA405
696	4080206	Cơ sở dữ liệu	5_4080206	002_5_4080206	0802-07 ---0802-13	Bùi Thị Vân Anh ---Đào Thu Vân	40	07/01/2019	9	2	HNAB305
697	4080206	Cơ sở dữ liệu	5_4080206	005_5_4080206	0802-07 ---0802-13	Bùi Thị Vân Anh ---Đào Thu Vân	23	07/01/2019	9	2	HNAA308
698	4080206	Cơ sở dữ liệu	5_4080206	001_5_4080206	0802-07 ---0802-13	Bùi Thị Vân Anh ---Đào Thu Vân	40	07/01/2019	9	2	HNAA305
699	4080206	Cơ sở dữ liệu	5_4080206	004_5_4080206	0802-07 ---0802-13	Bùi Thị Vân Anh ---Đào Thu Vân	40	07/01/2019	9	2	HNAA303
700	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-03	003_6_4080207_0802-03	0802-03	Dương Chí Thiện	40	03/01/2019	4	2	HNBG607
701	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-03	002_6_4080207_0802-03	0802-03	Dương Chí Thiện	40	03/01/2019	4	2	HNBG103
702	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-03	001_6_4080207_0802-03	0802-03	Dương Chí Thiện	40	03/01/2019	4	2	HNBG501
703	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-13	003_6_4080207_0802-13	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	40	03/01/2019	4	2	HNBG502
704	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-13	002_6_4080207_0802-13	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	40	03/01/2019	4	2	HNBG506
705	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-13	001_6_4080207_0802-13	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	40	03/01/2019	4	2	HNBG602
706	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-03	004_6_4080207_0802-03	0802-03	Dương Chí Thiện	80	03/01/2019	4	2	HNBG206
707	4080207	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6_4080207_0802-14	001_6_4080207_0802-14	0802-14	Đặng Quốc Trung	38	03/01/2019	9	2	HNBG205
708	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng trên C++ BTL	6_4080208_0802-02	001_6_4080208_0802-02	0802-02	Đặng Hữu Nghị	20	07/01/2019	9	2	HNAB201
709	4080208	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng trên C++ BTL	6_4080208_0802-04	001_6_4080208_0802-04	0802-04	Tạ Quang Chiêu	24	11/01/2019	4	2	HNAA303
710	4080211	Phương pháp tính ứng dụng	6_4080211_0802-10	002_6_4080211_0802-10	0802-10	Vương Như Quỳnh	22	07/01/2019	2	2	HNAD302
711	4080211	Phương pháp tính ứng dụng	6_4080211_0802-10	001_6_4080211_0802-10	0802-10	Vương Như Quỳnh	40	07/01/2019	2	2	HNAA304
712	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	6_4080306_0803-05	002_6_4080306_0803-05	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung	23	03/01/2019	9	2	HNBG407
713	4080306	Hệ thông tin địa lý + BTL	6_4080306_0803-05	001_6_4080306_0803-05	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung	23	03/01/2019	9	2	HNBG408
714	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	5_4080309	001_5_4080309	0803-02	Trần Trung Chuyên	25	02/01/2019	2	2	HNBG501
715	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	5_4080309	002_5_4080309	0803-02	Trần Trung Chuyên	26	02/01/2019	2	2	HNBG607
716	4080314	Đo ảnh 1	5_4080314	001_5_4080314	0803-08	Ngô Thị Phương Thảo	16	08/01/2019	7	2	HNAA402

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
717	4080321	Cơ sở dữ liệu phân tán	6_4080321_0803-07	001_6_4080321_0803-07	0803-07	Trần Mai Hương	30	10/01/2019	7	2	HNAA303
718	4080410	Phát triển phần mềm ứng dụng trong địa chất	6_4080410_0804-12	001_6_4080410_0804-12	0804-12	Trương Xuân Bình	16	10/01/2019	4	2	HNAB203
719	4080412	Chuyên đề 1	6_4080412_0804-05	001_6_4080412_0804-05	0804-05	Dương Thị Tâm	23	08/01/2019	4	2	HNAA407
720	4080504	Phát triển phần mềm ứng dụng trong mỏ + BTL	5_4080504	001_5_4080504	0805-06	Nguyễn Thị Phương Bắc	18	09/01/2019	2	2	HNAD302
721	4080531	Kỹ thuật lập trình C/C++	6_4080531_0805-05	002_6_4080531_0805-05	0805-05	Nguyễn Duy Huy	39	08/01/2019	9	2	HNAB207
722	4080531	Kỹ thuật lập trình C/C++	6_4080531_0805-05	001_6_4080531_0805-05	0805-05	Nguyễn Duy Huy	40	08/01/2019	9	2	HNAA206
723	4080534	An ninh và bảo mật Internet	6_4080534_0805-08	001_6_4080534_0805-08	0805-08	Đặng Văn Nam	76	08/01/2019	4	2	HNAD301
724	4080538	Lập trình Java nâng cao	6_4080538_0805-07	001_6_4080538_0805-07	0805-07	Lê Hồng Anh	32	09/01/2019	9	2	HNAA308
725	4080539	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	6_4080539_0805-04	001_6_4080539_0805-04	0805-04	Nông Thị Oanh	30	08/01/2019	2	2	HNAB202
726	4080540	Kỹ nghệ tri thức và học máy	6_4080540_0802-02	001_6_4080540_0802-02	0802-02	Đặng Hữu Nghị	30	11/01/2019	4	2	HNAA405
727	4080603	Kinh tế thông tin	6_4080603_0806-01	001_6_4080603_0806-01	0806-01	Lê Thanh Huệ	47	07/01/2019	7	2	HNAB303
728	4080606	Thống kê và ứng dụng tin học	6_4080606_0806-03	002_6_4080606_0806-03	0806-03	Nguyễn Thu Hằng	24	10/01/2019	4	2	HNAD303
729	4080606	Thống kê và ứng dụng tin học	6_4080606_0806-03	001_6_4080606_0806-03	0806-03	Nguyễn Thu Hằng	24	10/01/2019	4	2	HNAB205
730	4080608	Lập trình quản lý + TH	6_4080608_0806-02	002_6_4080608_0806-02	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	29	03/01/2019	7	2	HNBG401
731	4080608	Lập trình quản lý + TH	6_4080608_0806-02	001_6_4080608_0806-02	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	29	03/01/2019	7	2	HNBG402
732	4080616	Phát triển phần mềm ứng dụng trong kinh tế - tài chính - ngân hàng	6_4080616_0806-05	001_6_4080616_0806-05	0806-05	Phạm Thị Nguyệt	45	08/01/2019	4	2	HNAD403
733	4080621	Thương mại điện tử	5_4080621	005_5_4080621	0806-07	Nguyễn Thế Bình	27	05/01/2019	4	2	HNBG507
734	4080621	Thương mại điện tử	5_4080621	001_5_4080621	0806-07	Nguyễn Thế Bình	40	05/01/2019	4	2	HNBG501
735	4080621	Thương mại điện tử	5_4080621	003_5_4080621	0806-07	Nguyễn Thế Bình	40	05/01/2019	4	2	HNBG607
736	4080621	Thương mại điện tử	5_4080621	004_5_4080621	0806-07	Nguyễn Thế Bình	27	05/01/2019	4	2	HNBG406
737	4080621	Thương mại điện tử	5_4080621	002_5_4080621	0806-07	Nguyễn Thế Bình	40	05/01/2019	4	2	HNBG103
738	4080703	Tiếng Anh chuyên ngành mạng	5_4080703	002_5_4080703	0801-09	Diêm Công Hoàng	23	02/01/2019	4	2	HNBG606
739	4080703	Tiếng Anh chuyên ngành mạng	5_4080703	001_5_4080703	0801-09	Diêm Công Hoàng	23	02/01/2019	4	2	HNBG608
740	4080705	An ninh mạng + BTL	6_4080705_0802-05	002_6_4080705_0802-05	0802-05	Đỗ Như Hải	115	10/01/2019	2	2	HNAD101
741	4080705	An ninh mạng + BTL	6_4080705_0802-05	001_6_4080705_0802-05	0802-05	Đỗ Như Hải	40	10/01/2019	2	2	HNAB305
742	4080706	Mạng máy tính + BTL	6_4080706_0802-11	001_6_4080706_0802-11	0802-11	Trần Thị Thu Thúy	96	08/01/2019	4	2	HNAD401
743	4080706	Mạng máy tính + BTL	6_4080706_0801-15	001_6_4080706_0801-15	0801-15	Phạm Đình Tân	58	10/01/2019	4	2	HNAA207
744	4080706	Mạng máy tính + BTL	6_4080706_0801-07	001_6_4080706_0801-07	0801-07	Đào Anh Thư	107	10/01/2019	9	2	HNAD201
745	4080706	Mạng máy tính + BTL	6_4080706_0802-05	001_6_4080706_0802-05	0802-05	Đỗ Như Hải	43	12/01/2019	2	2	HNAA308
746	4080707	Lập trình mạng	5_4080707	001_5_4080707	0802-14	Đặng Quốc Trung	39	04/01/2019	2	2	HNBG601
747	4080709	Kiến trúc máy tính	5_4080709	002_5_4080709	0801-07 ---0802-11 ---0805-03 ---0807-07	Đặng Xuân Điệp ---Đào Anh Thư ---Nguyễn Thùy Dương ---Trần Thị Thu Thúy	60	12/01/2019	9	2	HNAD403

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
748	4080709	Kiến trúc máy tính	5_4080709	004_5_4080709	0801-07 ---0802-11 ---0805-03 ---0807-07	Đặng Xuân Điệp ---Đào Anh Thư ---Nguyễn Thùy Dương ---Trần Thị Thu Thúy	24	12/01/2019	9	2	HNAD101
749	4080709	Kiến trúc máy tính	5_4080709	001_5_4080709	0801-07 ---0802-11 ---0805-03 ---0807-07	Đặng Xuân Điệp ---Đào Anh Thư ---Nguyễn Thùy Dương ---Trần Thị Thu Thúy	60	12/01/2019	9	2	HNAD402
750	4080709	Kiến trúc máy tính	5_4080709	003_5_4080709	0801-07 ---0802-11 ---0805-03 ---0807-07	Đặng Xuân Điệp ---Đào Anh Thư ---Nguyễn Thùy Dương ---Trần Thị Thu Thúy	120	12/01/2019	9	2	HNAD201
751	4080714	Quản trị mạng + ĐA	6_4080714_0801-09	002_6_4080714_0801-09	0801-09	Diêm Công Hoàng	21	08/01/2019	4	2	HNAD303
752	4080714	Quản trị mạng + ĐA	6_4080714_0801-09	001_6_4080714_0801-09	0801-09	Diêm Công Hoàng	40	08/01/2019	4	2	HNAB205
753	4080717	Chuyên đề 1	6_4080717_0807-07	001_6_4080717_0807-07	0807-07	Đặng Xuân Điệp	59	12/01/2019	2	2	HNAB207
754	4080721	Mã nguồn mở chuyên ngành + BTL	6_4080721_0801-15	001_6_4080721_0801-15	0801-15	Phạm Đình Tân	61	10/01/2019	4	2	HNAD301
755	4080722	Mô phỏng mạng + BTL	6_4080722_0801-09	001_6_4080722_0801-09	0801-09	Diêm Công Hoàng	40	03/01/2019	9	2	HNBG607
756	4080722	Mô phỏng mạng + BTL	6_4080722_0801-09	002_6_4080722_0801-09	0801-09	Diêm Công Hoàng	25	03/01/2019	9	2	HNBG406
757	4090101	Máy điện 1 + BTL	6_4090101_0901-02	001_6_4090101_0901-02	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến	36	03/01/2019	9	2	HNBG401
758	4090101	Máy điện 1 + BTL	6_4090101_0901-14	001_6_4090101_0901-14	0901-14	Nguyễn Duy Tuấn	60	07/01/2019	4	2	HNAB204
759	4090102	Máy điện 2 + TN	6_4090102_0901-17	001_6_4090102_0901-17	0901-17	Lê Văn Tuấn	58	12/01/2019	4	2	HNAB207
760	4090106	Vật liệu điện và cao áp	6_4090106_0901-09	002_6_4090106_0901-09	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	40	03/01/2019	2	2	HNBG407
761	4090106	Vật liệu điện và cao áp	6_4090106_0901-09	003_6_4090106_0901-09	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	27	03/01/2019	2	2	HNBG106
762	4090106	Vật liệu điện và cao áp	6_4090106_0901-09	004_6_4090106_0901-09	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	27	03/01/2019	2	2	HNBG508
763	4090106	Vật liệu điện và cao áp	6_4090106_0901-09	001_6_4090106_0901-09	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	40	03/01/2019	2	2	HNBG408
764	4090107	An toàn điện	5_4090107	001_5_4090107	0901-02 ---0901-07	Bùi Đình Thanh ---Nguyễn Hanh Tiến	40	07/01/2019	7	2	HNAA308
765	4090107	An toàn điện	5_4090107	002_5_4090107	0901-02 ---0901-07	Bùi Đình Thanh ---Nguyễn Hanh Tiến	40	07/01/2019	7	2	HNAB205
766	4090107	An toàn điện	5_4090107	003_5_4090107	0901-02 ---0901-07	Bùi Đình Thanh ---Nguyễn Hanh Tiến	50	07/01/2019	7	2	HNAA208
767	4090109	Bảo vệ role	6_4090109_0901-10	001_6_4090109_0901-10	0901-10	Hồ Việt Bun	47	09/01/2019	7	2	HNAA208
768	4090111	Tiếng Anh chuyên ngành điện khí hóa	6_4090111_0901-04	001_6_4090111_0901-04	0901-04	Lê Xuân Thành	54	07/01/2019	9	2	HNAB204
769	4090113	Truyền tin công nghiệp	6_4090113_0901-09	001_6_4090113_0901-09	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	46	11/01/2019	7	2	HNAA207
770	4090121	Máy điện	5_4090121	002_5_4090121	0901-02 ---0901-14	Nguyễn Duy Tuấn ---Nguyễn Hanh Tiến	60	11/01/2019	7	2	HNAD403
771	4090121	Máy điện	5_4090121	003_5_4090121	0901-02 ---0901-14	Nguyễn Duy Tuấn ---Nguyễn Hanh Tiến	107	11/01/2019	7	2	HNAD201
772	4090121	Máy điện	5_4090121	001_5_4090121	0901-02 ---0901-14	Nguyễn Duy Tuấn ---Nguyễn Hanh Tiến	60	11/01/2019	7	2	HNAD402
773	4090125	Nhà máy điện	5_4090125	001_5_4090125	0901-18	Nguyễn Xuân Nhi	40	04/01/2019	7	2	HNBG205

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
774	4090125	Nhà máy điện	5_4090125	003_5_4090125	0901-18	Nguyễn Xuân Nhi	40	04/01/2019	7	2	HNBG103
775	4090125	Nhà máy điện	5_4090125	002_5_4090125	0901-18	Nguyễn Xuân Nhi	40	04/01/2019	7	2	HNBG501
776	4090125	Nhà máy điện	5_4090125	004_5_4090125	0901-18	Nguyễn Xuân Nhi	33	04/01/2019	7	2	HNBG607
777	4090126	Cơ sở cung cấp điện	5_4090126	001_5_4090126	0901-05	Phạm Trung Sơn	40	11/01/2019	11	2	HNAA305
778	4090126	Cơ sở cung cấp điện	5_4090126	002_5_4090126	0901-05	Phạm Trung Sơn	83	11/01/2019	11	2	HNAD201
779	4090129	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống điện	6_4090129_0901-04	001_6_4090129_0901-04	0901-04	Lê Xuân Thành	36	08/01/2019	4	2	HNAA304
780	4090131	Lưới điện 2	6_4090131_0901-07	001_6_4090131_0901-07	0901-07	Bùi Đình Thanh	44	07/01/2019	7	2	HNAB202
781	4090133	Ngăn mạch trong hệ thống điện	6_4090133_0901-05	001_6_4090133_0901-05	0901-05	Phạm Trung Sơn	44	10/01/2019	9	2	HNAA208
782	4090134	Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp	6_4090134_0901-04	001_6_4090134_0901-04	0901-04	Lê Xuân Thành	42	09/01/2019	7	2	HNAA207
783	4090139	Hệ thống cung cấp điện 1	6_4090139_0901-11	001_6_4090139_0901-11	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu	49	12/01/2019	2	2	HNAB303
784	4090140	Công nghệ phát điện	6_4090140_0901-10	002_6_4090140_0901-10	0901-10	Hồ Việt Bun	28	03/01/2019	9	2	HNBG606
785	4090140	Công nghệ phát điện	6_4090140_0901-10	001_6_4090140_0901-10	0901-10	Hồ Việt Bun	27	03/01/2019	9	2	HNBG108
786	4090143	Tự động hóa trong hệ thống điện	6_4090143_0901-08	001_6_4090143_0901-08	0901-08	Đỗ Như ý	54	08/01/2019	2	2	HNAB204
787	4090145	Tự động hóa trong hệ thống điện mở	6_4090145_0901-08	001_6_4090145_0901-08	0901-08	Đỗ Như ý	35	08/01/2019	2	2	HNAD203
788	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	6_4090151_0901-08	001_6_4090151_0901-08	0901-08	Đỗ Như ý	40	03/01/2019	4	2	HNBG406
789	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	6_4090151_0901-08	003_6_4090151_0901-08	0901-08	Đỗ Như ý	71	03/01/2019	4	2	HNBG202
790	4090151	Kỹ thuật chiếu sáng	6_4090151_0901-08	002_6_4090151_0901-08	0901-08	Đỗ Như ý	40	03/01/2019	4	2	HNBG507
791	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	5_4090202	002_5_4090202	0902-09 ---0902-11	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Thanh Loan	60	09/01/2019	4	2	HNAD403
792	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	5_4090202	003_5_4090202	0902-09 ---0902-11	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Thanh Loan	120	09/01/2019	4	2	HNAD201
793	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	5_4090202	004_5_4090202	0902-09 ---0902-11	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Thanh Loan	69	09/01/2019	4	2	HNAD101
794	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	5_4090202	005_5_4090202	0902-09 ---0902-11	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Thanh Loan	70	09/01/2019	4	2	HNAD401
795	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	5_4090202	001_5_4090202	0902-09 ---0902-11	Phạm Minh Hải ---Phạm Thị Thanh Loan	60	09/01/2019	4	2	HNAD402
796	4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	5_4090203	001_5_4090203	0902-05 ---0902-11	Nguyễn Đức Khoát ---Phạm Thị Thanh Loan	40	05/01/2019	4	2	HNBG301
797	4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	5_4090203	002_5_4090203	0902-05 ---0902-11	Nguyễn Đức Khoát ---Phạm Thị Thanh Loan	40	05/01/2019	4	2	HNBG603
798	4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	5_4090203	003_5_4090203	0902-05 ---0902-11	Nguyễn Đức Khoát ---Phạm Thị Thanh Loan	36	05/01/2019	4	2	HNBG503
799	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	5_4090205	003_5_4090205	0902-14	Đào Hiếu	40	08/01/2019	9	2	HNAA405
800	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	5_4090205	002_5_4090205	0902-14	Đào Hiếu	40	08/01/2019	9	2	HNAB305
801	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	5_4090205	001_5_4090205	0902-14	Đào Hiếu	40	08/01/2019	9	2	HNAA305
802	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	5_4090205	004_5_4090205	0902-14	Đào Hiếu	40	08/01/2019	9	2	HNAA303
803	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	5_4090205	005_5_4090205	0902-14	Đào Hiếu	47	08/01/2019	9	2	HNAA208
804	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	5_4090206	001_5_4090206	0902-07	Đặng Văn Chí	40	12/01/2019	9	2	HNAA305

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
805	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	5_4090206	003_5_4090206	0902-07	Đặng Văn Chí	40	12/01/2019	9	2	HNAA405
806	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	5_4090206	002_5_4090206	0902-07	Đặng Văn Chí	40	12/01/2019	9	2	HNAB305
807	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	5_4090206	004_5_4090206	0902-07	Đặng Văn Chí	50	12/01/2019	9	2	HNAA208
808	4090208	Điều khiển mở và mạng noron	5_4090208	001_5_4090208	0902-07	Đặng Văn Chí	44	11/01/2019	2	2	HNAA207
809	4090209	Điều khiển số	5_4090209	001_5_4090209	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	115	10/01/2019	9	2	HNAD401
810	4090210	Các hệ thống rời rạc	5_4090210	001_5_4090210	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan	32	09/01/2019	9	2	HNAA405
811	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	5_4090212	001_5_4090212	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	40	08/01/2019	4	2	HNAB206
812	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	5_4090212	003_5_4090212	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	24	08/01/2019	4	2	HNAA402
813	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	5_4090212	002_5_4090212	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	40	08/01/2019	4	2	HNAD202
814	4090213	Điện tử công suất	5_4090213	001_5_4090213	0902-08	Khổng Cao Phong	40	08/01/2019	9	2	HNAA407
815	4090213	Điện tử công suất	5_4090213	002_5_4090213	0902-08	Khổng Cao Phong	40	08/01/2019	9	2	HNAB201
816	4090213	Điện tử công suất	5_4090213	003_5_4090213	0902-08	Khổng Cao Phong	35	08/01/2019	9	2	HNAD203
817	4090214	Cơ sở truyền động điện	5_4090214	002_5_4090214	0902-03	Phan Minh Tạo	56	12/01/2019	2	2	HNAA208
818	4090214	Cơ sở truyền động điện	5_4090214	001_5_4090214	0902-03	Phan Minh Tạo	40	12/01/2019	2	2	HNAA305
819	4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	5_4090216	001_5_4090216	0902-03	Phan Minh Tạo	18	07/01/2019	2	2	HNAB205
820	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa	5_4090221	001_5_4090221	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan	103	10/01/2019	11	2	HNAD101
821	4090223	Robot công nghiệp	5_4090223	001_5_4090223	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	45	11/01/2019	4	2	HNAA208
822	4090224	Phương pháp lập trình CNC	5_4090224	001_5_4090224	0902-12	Uông Quang Tuyền	33	12/01/2019	7	2	HNAA305
823	4090226	Chuyên đề 1+2	5_4090226	001_5_4090226	0902-19	Nguyễn Thế Lực	45	08/01/2019	7	2	HNAB204
824	4090227	Điện tử công suất + BTL	5_4090227	001_5_4090227	0902-08	Khổng Cao Phong	120	12/01/2019	4	2	HNAD401
825	4090227	Điện tử công suất + BTL	5_4090227	002_5_4090227	0902-08	Khổng Cao Phong	88	12/01/2019	4	2	HNAD301
826	4090244	Kỹ thuật đo lường	6_4090244_0902-07	001_6_4090244_0902-07	0902-07	Đặng Văn Chí	98	10/01/2019	2	2	HNAD401
827	4090249	Kỹ thuật vi điều khiển	6_4090249_0902-19	001_6_4090249_0902-19	0902-19	Nguyễn Thế Lực	48	08/01/2019	4	2	HNAA207
828	4090253	Tự động hóa quá trình sản xuất	5_4090253	002_5_4090253	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	40	07/01/2019	7	2	HNAA304
829	4090253	Tự động hóa quá trình sản xuất	5_4090253	003_5_4090253	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	27	07/01/2019	7	2	HNAD302
830	4090253	Tự động hóa quá trình sản xuất	5_4090253	001_5_4090253	0902-04	Nguyễn Chí Tinh	40	07/01/2019	7	2	HNAA205
831	4090301	Kỹ thuật điện +TN	5_4090301	001_5_4090301	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh	88	08/01/2019	11	2	HNAD201
832	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	5_4090303	004_5_4090303	0903-07 ---0903-13	Đinh Văn Thắng ---Kim Thị Cẩm ánh	23	04/01/2019	9	2	HNBG607
833	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	5_4090303	002_5_4090303	0903-07 ---0903-13	Đinh Văn Thắng ---Kim Thị Cẩm ánh	40	04/01/2019	9	2	HNBG501
834	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	5_4090303	003_5_4090303	0903-07 ---0903-13	Đinh Văn Thắng ---Kim Thị Cẩm ánh	22	04/01/2019	9	2	HNBG103
835	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	5_4090303	001_5_4090303	0903-07 ---0903-13	Đinh Văn Thắng ---Kim Thị Cẩm ánh	40	04/01/2019	9	2	HNBG205
836	4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	5_4090305	002_5_4090305	0903-08 ---0903-09	Cung Quang Khang ---Nguyễn Thạc Khánh	36	08/01/2019	9	2	HNAA406

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
837	4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	5_4090305	001_5_4090305	0903-08 ---0903-09	Cung Quang Khang ---Nguyễn Thạc Khánh	40	08/01/2019	9	2	HNAD304
838	4090308	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	5_4090308	001_5_4090308	0903-08	Cung Quang Khang	41	11/01/2019	2	2	HNAB204
839	4090310	Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN	6_4090310_0903-06	001_6_4090310_0903-06	0903-06	Kim Ngọc Linh	40	03/01/2019	2	2	HNBG108
840	4090310	Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN	6_4090310_0903-06	002_6_4090310_0903-06	0903-06	Kim Ngọc Linh	40	03/01/2019	2	2	HNBG606
841	4090310	Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN	6_4090310_0903-06	003_6_4090310_0903-06	0903-06	Kim Ngọc Linh	40	03/01/2019	2	2	HNBG102
842	4090310	Linh kiện và kỹ thuật điện tử tương tự +TN	6_4090310_0903-06	004_6_4090310_0903-06	0903-06	Kim Ngọc Linh	41	03/01/2019	2	2	HNBG107
843	4090315	Xử lý số tín hiệu	6_4090315_0903-15	001_6_4090315_0903-15	0903-15	Hà Thị Chúc	103	08/01/2019	4	2	HNAD101
844	4090320	Dụng cụ và thiết bị đo lường điện tử	6_4090320_0903-17	001_6_4090320_0903-17	0903-17	Tổng Ngọc Anh	43	09/01/2019	9	2	HNAA208
845	4090322	Trang bị điện - điện tử công nghiệp	6_4090322_0903-07	001_6_4090322_0903-07	0903-07	Đinh Văn Thắng	50	10/01/2019	4	2	HNAB207
846	4090325	Chuyên đề điện - điện tử 2	6_4090325_0903-09	001_6_4090325_0903-09	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh	40	03/01/2019	7	2	HNBG607
847	4090325	Chuyên đề điện - điện tử 2	6_4090325_0903-09	002_6_4090325_0903-09	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh	63	03/01/2019	7	2	HNBG202
848	4090326	Kỹ thuật vi xử lý +TN	6_4090326_0903-18	002_6_4090326_0903-18	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ	41	10/01/2019	2	2	HNAA208
849	4090326	Kỹ thuật vi xử lý +TN	6_4090326_0903-18	001_6_4090326_0903-18	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ	40	10/01/2019	2	2	HNAA405
850	4090327	Điều khiển logic các thiết bị điện - điện tử	6_4090327_0903-08	001_6_4090327_0903-08	0903-08	Cung Quang Khang	59	08/01/2019	2	2	HNAA207
851	4090341	Mô phỏng mạch điện và điện tử	6_4090341_0903-18	001_6_4090341_0903-18	0903-18	Nguyễn Tiến Sĩ	60	10/01/2019	7	2	HNAA208
852	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	5_4090342	001_5_4090342	0903-07	Đinh Văn Thắng	46	07/01/2019	7	2	HNAB207
853	4090401	Nguyên lý máy + BTL	5_4090401	001_5_4090401	0904-13	Nguyễn Duy Chính	42	12/01/2019	4	2	HNAA207
854	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	5_4090402	001_5_4090402	0904-05	Phạm Thị Thủy	34	02/01/2019	4	2	HNBG407
855	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	6_4090404_0904-12	001_6_4090404_0904-12	0904-12	Bùi Minh Hoàng	40	03/01/2019	7	2	HNBG101
856	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	6_4090404_0904-12	002_6_4090404_0904-12	0904-12	Bùi Minh Hoàng	23	03/01/2019	7	2	HNBG305
857	4090406	Cơ sở thiết kế máy	5_4090406	001_5_4090406	0904-12 ---0904-13 ---0904-30	Bùi Minh Hoàng ---Nguyễn Duy Chính ---Phạm Tuấn	40	08/01/2019	9	2	HNAA308
858	4090406	Cơ sở thiết kế máy	5_4090406	002_5_4090406	0904-12 ---0904-13 ---0904-30	Bùi Minh Hoàng ---Nguyễn Duy Chính ---Phạm Tuấn	40	08/01/2019	9	2	HNAB205
859	4090406	Cơ sở thiết kế máy	5_4090406	003_5_4090406	0904-12 ---0904-13 ---0904-30	Bùi Minh Hoàng ---Nguyễn Duy Chính ---Phạm Tuấn	40	08/01/2019	9	2	HNAD303
860	4090406	Cơ sở thiết kế máy	5_4090406	005_5_4090406	0904-12 ---0904-13 ---0904-30	Bùi Minh Hoàng ---Nguyễn Duy Chính ---Phạm Tuấn	25	08/01/2019	9	2	HNAA205

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
861	4090406	Cơ sở thiết kế máy	5_4090406	004_5_4090406	0904-12 ---0904-13 ---0904-30	Bùi Minh Hoàng ---Nguyễn Duy Chinh ---Phạm Tuấn	40	08/01/2019	9	2	HNAA409
862	4090408	Kỹ thuật gia công cơ khí 1	6_4090408_0904-17	001_6_4090408_0904-17	0904-17	Trần Đức Huân	35	09/01/2019	4	2	HNAA407
863	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	5_4090409	001_5_4090409	0904-17	Trần Đức Huân	29	08/01/2019	7	2	HNAD204
864	4090412	Thủy lực cơ sở A + TN	6_4090412_0904-03	001_6_4090412_0904-03	0904-03	Nguyễn Văn Lại	28	03/01/2019	9	2	HNBG603
865	4090412	Thủy lực cơ sở A + TN	6_4090412_0904-03	002_6_4090412_0904-03	0904-03	Nguyễn Văn Lại	29	03/01/2019	9	2	HNBG503
866	4090412	Thủy lực cơ sở A + TN	6_4090412_0904-18	001_6_4090412_0904-18	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng	60	10/01/2019	4	2	HNAA208
867	4090413	Thủy lực cơ sở B	5_4090413	001_5_4090413	0904-19	Đoàn Kim Bình	60	10/01/2019	9	2	HNAD402
868	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	5_4090415	001_5_4090415	0904-05	Phạm Thị Thủy	118	13/01/2019	2	2	HNAD101
869	4090417	Kỹ thuật thủy khí B + TN	6_4090417_0904-06	001_6_4090417_0904-06	0904-06	Nguyễn Văn Tuệ	59	10/01/2019	2	2	HNAD402
870	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	5_4090418	001_5_4090418	---0904-18	---Nguyễn Sơn Tùng	103	09/01/2019	7	2	HNAD301
871	4090421	Nguyên lý máy	5_4090421	001_5_4090421	0904-13	Nguyễn Duy Chinh	57	09/01/2019	2	2	HNAB303
872	4090435	Truyền động - tự động thủy lực thể tích + TN	6_4090435_0904-03	001_6_4090435_0904-03	0904-03	Nguyễn Văn Lại	28	10/01/2019	4	2	HNAD304
873	4090437	Truyền động thủy động	6_4090437_0904-06	001_6_4090437_0904-06	0904-06	Nguyễn Văn Tuệ	28	12/01/2019	4	2	HNAA304
874	4090450	Vật liệu kim loại + TN	6_4090450_0904-05	003_6_4090450_0904-05	0904-05	Phạm Thị Thủy	30	03/01/2019	4	2	HNBG608
875	4090450	Vật liệu kim loại + TN	6_4090450_0904-05	002_6_4090450_0904-05	0904-05	Phạm Thị Thủy	29	03/01/2019	4	2	HNBG601
876	4090450	Vật liệu kim loại + TN	6_4090450_0904-05	001_6_4090450_0904-05	0904-05	Phạm Thị Thủy	40	03/01/2019	4	2	HNBG503
877	4090452	Nguyên lý gia công cắt gọt kim loại	6_4090452_0000-05	001_6_4090452_0000-05	0000-05	Trần Thế Văn	39	10/01/2019	9	2	HNAA305
878	4090456	Máy công cụ	6_4090456_0000-05	001_6_4090456_0000-05	0000-05	Trần Thế Văn	33	10/01/2019	4	2	HNAD202
879	4090458	Công cụ chế tạo máy 1	6_4090458_0904-17	001_6_4090458_0904-17	0904-17	Trần Đức Huân	32	08/01/2019	4	2	HNAD302
880	4090468	Tin học chuyên ngành công nghệ chế tạo máy	6_4090468_0904-13	001_6_4090468_0904-13	0904-13	Nguyễn Duy Chinh	34	08/01/2019	2	2	HNAB404
881	4090502	Truyền động thủy khí + BTL	6_4090502_0905-15	001_6_4090502_0905-15	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng	34	10/01/2019	4	2	HNAB206
882	4090505	Máy nâng - máy xếp dỡ	6_4090505_0904-09	001_6_4090505_0904-09	0904-09	Nguyễn Văn Xô	36	10/01/2019	2	2	HNAD203
883	4090509	Máy tuyền khoáng + BTL	6_4090509_0905-02	001_6_4090509_0905-02	0905-02	Đoàn Văn Giáp	35	08/01/2019	2	2	HNAD204
884	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	5_4090510	003_5_4090510	0905-02 ---0905-08	Đoàn Văn Giáp ---Phạm Văn Tiến	26	04/01/2019	2	2	HNBG507
885	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	5_4090510	001_5_4090510	0905-02 ---0905-08	Đoàn Văn Giáp ---Phạm Văn Tiến	40	04/01/2019	2	2	HNBG607
886	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	5_4090510	002_5_4090510	0905-02 ---0905-08	Đoàn Văn Giáp ---Phạm Văn Tiến	25	04/01/2019	2	2	HNBG406
887	4090512	Tin học chuyên ngành	6_4090512_0904-09	001_6_4090512_0904-09	0904-09	Nguyễn Văn Xô	38	03/01/2019	9	2	HNBG305
888	4090539	Máy thủy khí	5_4090539	002_5_4090539	0905-11	Vũ Ngọc Trà	28	02/01/2019	4	2	HNBG506
889	4090539	Máy thủy khí	5_4090539	001_5_4090539	0905-11	Vũ Ngọc Trà	27	02/01/2019	4	2	HNBG602
890	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	5_4090541	002_5_4090541	0905-01	Vũ Nam Ngạn	26	05/01/2019	2	2	HNBG506
891	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	5_4090541	001_5_4090541	0905-01	Vũ Nam Ngạn	40	05/01/2019	2	2	HNBG602
892	4090545	Vận tải và kho chứa	6_4090545_0905-14	001_6_4090545_0905-14	0905-14	Trần Viết Linh	30	10/01/2019	2	2	HNAB202
893	4090547	Máy khai thác và máy vận tải	5_4090547	001_5_4090547	0905-14	Trần Viết Linh	40	08/01/2019	9	2	HNAB203

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
894	4090547	Máy khai thác và máy vận tải	5_4090547	002_5_4090547	0905-14	Trần Viết Linh	22	08/01/2019	9	2	HNAA204
895	4090548	Máy khai thác	6_4090548_0905-08	001_6_4090548_0905-08	0905-08	Phạm Văn Tiến	32	10/01/2019	2	2	HNAB404
896	4090550	Máy xây dựng	6_4090550_0905-02	001_6_4090550_0905-02	0905-02	Đoàn Văn Giáp	22	12/01/2019	2	2	HNAA409
897	4090557	Máy nâng chuyển	6_4090557_0904-09	002_6_4090557_0904-09	0904-09	Nguyễn Văn Xô	21	10/01/2019	2	2	HNAD303
898	4090557	Máy nâng chuyển	6_4090557_0904-09	001_6_4090557_0904-09	0904-09	Nguyễn Văn Xô	40	10/01/2019	2	2	HNAB205
899	4090570	Trạm quạt thông gió mỏ và trạm nén khí	6_4090570_0905-01	001_6_4090570_0905-01	0905-01	Vũ Nam Ngạn	32	08/01/2019	2	2	HNAA408
900	4090572	Máy vận tải	5_4090572	001_5_4090572	0905-14	Trần Viết Linh	33	08/01/2019	9	2	HNAA404
901	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	5_4090574	001_5_4090574	0905-02	Đoàn Văn Giáp	35	07/01/2019	9	2	HNAA407
902	4100101	Các phương pháp số	5_4100101	002_5_4100101	0303-21	Vũ Minh Ngạn	28	07/01/2019	9	2	HNAD302
903	4100101	Các phương pháp số	5_4100101	001_5_4100101	0303-21	Vũ Minh Ngạn	40	07/01/2019	9	2	HNAA304
904	4100103	Cơ học đá và khối đá	6_4100103_0303-10	001_6_4100103_0303-10	0303-10	Đặng Văn Kiên	6	12/01/2019	2	2	HNAA307
905	4100105	Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ngầm và mỏ	5_4100105	001_5_4100105	0303-12	Đào Viết Đoàn	21	02/01/2019	4	2	HNBG403
906	4100113	Cấu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm và mỏ	6_4100113_0303-12	001_6_4100113_0303-12	0303-12	Đào Viết Đoàn	43	08/01/2019	2	2	HNAA304
907	4100115	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	5_4100115	001_5_4100115	0303-11	Trần Tuấn Minh	26	08/01/2019	7	2	HNAB404
908	4100118	Xây dựng công trình ngầm giao thông - đô thị	6_4100118_0303-07	002_6_4100118_0303-07	0303-07	Đỗ Ngọc Anh	24	10/01/2019	4	2	HNAD302
909	4100118	Xây dựng công trình ngầm giao thông - đô thị	6_4100118_0303-07	001_6_4100118_0303-07	0303-07	Đỗ Ngọc Anh	23	10/01/2019	4	2	HNAA304
910	4100129	Xây dựng công trình ngầm đô thị	6_4100129_0303-04	001_6_4100129_0303-04	0303-04	Đào Văn Canh	15	10/01/2019	2	2	HNAA204
911	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	6_4100139_0303-05	001_6_4100139_0303-05	0303-05	Ngô Doãn Hào	35	10/01/2019	4	2	HNAB202
912	4100140	Nguyên lý thiết kế xây dựng công trình ngầm và mỏ	6_4100140_0303-01	001_6_4100140_0303-01	0303-01	Võ Trọng Hùng	36	08/01/2019	2	2	HNAB201
913	4100141	Nguyên lý thiết kế xây dựng công trình ngầm	6_4100141_0303-01	001_6_4100141_0303-01	0303-01	Võ Trọng Hùng	46	07/01/2019	4	2	HNAB207
914	4100151	Xây dựng giếng đứng	6_4100151_0303-10	001_6_4100151_0303-10	0303-10	Đặng Văn Kiên	31	10/01/2019	7	2	HNAA405
915	4100153	Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm	6_4100153_0303-09	001_6_4100153_0303-09	0303-09	Đặng Trung Thành	35	11/01/2019	7	2	HNAD303
916	4100168	Bê tông cốt thép ứng suất trước	6_4100168_0303-24	002_6_4100168_0303-24	0303-24	Phạm Đức Thọ	21	10/01/2019	2	2	HNAD302
917	4100168	Bê tông cốt thép ứng suất trước	6_4100168_0303-24	001_6_4100168_0303-24	0303-24	Phạm Đức Thọ	40	10/01/2019	2	2	HNAA304
918	4100203	Môi trường trong xây dựng	5_4100203	001_5_4100203	0303-15	Phạm Thị Nhàn	39	02/01/2019	7	2	HNBG406
919	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	5_4100204	004_5_4100204	0303-08 ---0303-24	Nguyễn Văn Mạnh ---Phạm Đức Thọ	32	07/01/2019	7	2	HNAA303

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
920	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	5_4100204	003_5_4100204	0303-08 ---0303-24	Nguyễn Văn Mạnh ---Phạm Đức Thọ	40	07/01/2019	7	2	HNAA405
921	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	5_4100204	001_5_4100204	0303-08 ---0303-24	Nguyễn Văn Mạnh ---Phạm Đức Thọ	40	07/01/2019	7	2	HNAA305
922	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	5_4100204	002_5_4100204	0303-08 ---0303-24	Nguyễn Văn Mạnh ---Phạm Đức Thọ	40	07/01/2019	7	2	HNAB305
923	4100206	Kết cấu thép	5_4100206	002_5_4100206	0303-15 ---1003-05	Bùi Anh Thắng ---Phạm Thị Nhân	41	05/01/2019	7	2	HNBG507
924	4100206	Kết cấu thép	5_4100206	001_5_4100206	0303-15 ---1003-05	Bùi Anh Thắng ---Phạm Thị Nhân	40	05/01/2019	7	2	HNBG406
925	4100210	Kinh tế xây dựng	6_4100210_0303-15	001_6_4100210_0303-15	0303-15	Phạm Thị Nhân	60	08/01/2019	2	2	HNAA208
926	4100211	Kiến trúc 1	6_4100211_1002-07	003_6_4100211_1002-07	1002-07	Đặng Văn Phi	32	03/01/2019	2	2	HNBG205
927	4100211	Kiến trúc 1	6_4100211_1002-07	001_6_4100211_1002-07	1002-07	Đặng Văn Phi	40	03/01/2019	2	2	HNBG101
928	4100211	Kiến trúc 1	6_4100211_1002-07	002_6_4100211_1002-07	1002-07	Đặng Văn Phi	40	03/01/2019	2	2	HNBG305
929	4100213	Kiến trúc 2	6_4100213_1002-07	001_6_4100213_1002-07	1002-07	Đặng Văn Phi	24	10/01/2019	4	2	HNAA306
930	4100214	Kết cấu khung nhà nhiều tầng	6_4100214_1002-07	001_6_4100214_1002-07	1002-07	Đặng Văn Phi	25	08/01/2019	4	2	HNAA307
931	4100217	Kỹ thuật thi công	6_4100217_0303-35	001_6_4100217_0303-35	0303-35	Nguyễn Xuân Mân	20	08/01/2019	2	2	HNAA306
932	4100218	Thi công nhà nhiều tầng	5_4100218	002_5_4100218	0303-26	Bùi Văn Đức	38	07/01/2019	9	2	HNAA205
933	4100218	Thi công nhà nhiều tầng	5_4100218	001_5_4100218	0303-26	Bùi Văn Đức	40	07/01/2019	9	2	HNAA409
934	4100220	Xây dựng trong điều kiện đặc biệt	5_4100220	001_5_4100220	0303-35	Nguyễn Xuân Mân	17	08/01/2019	7	2	HNAB206
935	4100224	Nhà nhiều tầng	6_4100224_0303-35	002_6_4100224_0303-35	0303-35	Nguyễn Xuân Mân	30	03/01/2019	7	2	HNBG503
936	4100224	Nhà nhiều tầng	6_4100224_0303-35	001_6_4100224_0303-35	0303-35	Nguyễn Xuân Mân	40	03/01/2019	7	2	HNBG603
937	4100226	Giám sát thi công	5_4100226	001_5_4100226	0303-26	Bùi Văn Đức	40	09/01/2019	4	2	HNAA203
938	4100226	Giám sát thi công	5_4100226	002_5_4100226	0303-26	Bùi Văn Đức	22	09/01/2019	4	2	HNAA409
939	4100301	Thiết kế công trình cầu	6_4100301_1003-02	001_6_4100301_1003-02	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng	24	10/01/2019	4	2	HNAA303
940	4100301	Thiết kế công trình cầu	6_4100301_1003-02	002_6_4100301_1003-02	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng	24	10/01/2019	4	2	HNAA308
941	4100303	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	5_4100303	001_5_4100303	1003-05	Bùi Anh Thắng	24	02/01/2019	4	2	HNBG503
942	4100303	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	5_4100303	002_5_4100303	1003-05	Bùi Anh Thắng	24	02/01/2019	4	2	HNBG601
943	4100310	Tổ chức và quản lý giao thông đô thị	6_4100310_0303-25	001_6_4100310_0303-25	0303-25	Hoàng Đình Phúc	39	03/01/2019	9	2	HNBG508
944	4100311	Thiết kế đường sân bay	5_4100311	001_5_4100311	0303-21	Vũ Minh Ngan	39	07/01/2019	9	2	HNAA307
945	4100312	Thi công công trình đường	6_4100312_0405-04	001_6_4100312_0405-04	0405-04	Tạ Đức Thịnh	39	08/01/2019	2	2	HNAD302
946	4100320	Thi công công trình cầu	6_4100320_1003-02	001_6_4100320_1003-02	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng	21	12/01/2019	4	2	HNAD302
947	4110101	Hóa học môi trường + TN	6_4110101_0103-02	001_6_4110101_0103-02	0103-02	Hoàng Thị Chung	34	12/01/2019	2	2	HNAD303
948	4110102	Phân tích môi trường	6_4110102_0103-02	001_6_4110102_0103-02	0103-02	Hoàng Thị Chung	52	10/01/2019	4	2	HNAB204
949	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	5_4110104	001_5_4110104	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	26	02/01/2019	4	2	HNBG502
950	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	5_4110104	002_5_4110104	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	27	02/01/2019	4	2	HNBG603

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
951	4110105	Quá trình chuyển khối trong công nghệ môi trường	5_4110105	001_5_4110105	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	44	04/01/2019	2	2	HNBG503
952	4110106	Sinh thái học môi trường	5_4110106	001_5_4110106	0408-03	Trần Thị Kim Hà	32	11/01/2019	2	2	HNAA305
953	4110107	Vì hóa sinh môi trường + TN	6_4110107_0408-06	001_6_4110107_0408-06	0408-06	Trần Thị Thu Hương	78	03/01/2019	9	2	HNBG206
954	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	5_4110110	001_5_4110110	0403-09	Đỗ Văn Nhuận	40	08/01/2019	9	2	HNAB405
955	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	5_4110110	002_5_4110110	0403-09	Đỗ Văn Nhuận	23	08/01/2019	9	2	HNAB306
956	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	5_4110114_1	002_5_4110114_1	0403-09 ---0407-06 ---1101-03	Đỗ Văn Nhuận ---Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Văn Bình	60	07/01/2019	2	2	HNAD403
957	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	5_4110114_1	003_5_4110114_1	0403-09 ---0407-06 ---1101-03	Đỗ Văn Nhuận ---Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Văn Bình	120	07/01/2019	2	2	HNAD201
958	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	5_4110114_1	004_5_4110114_1	0403-09 ---0407-06 ---1101-03	Đỗ Văn Nhuận ---Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Văn Bình	120	07/01/2019	2	2	HNAD101
959	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	5_4110114_1	005_5_4110114_1	0403-09 ---0407-06 ---1101-03	Đỗ Văn Nhuận ---Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Văn Bình	60	07/01/2019	2	2	HNAD401
960	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	5_4110114_2	001_5_4110114_2	1101-03	Nguyễn Quốc Phi	49	07/01/2019	2	2	HNAA207
961	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	5_4110114_1	001_5_4110114_1	0403-09 ---0407-06 ---1101-03	Đỗ Văn Nhuận ---Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Văn Bình	60	07/01/2019	2	2	HNAD402
962	4110116	Công nghệ GIS trong quản lý môi trường	6_4110116_1101-03	001_6_4110116_1101-03	1101-03	Nguyễn Quốc Phi	31	10/01/2019	7	2	HNAB305
963	4110202	Các phương pháp điều tra địa sinh thái và môi trường	6_4110202_0408-13	003_6_4110202_0408-13	0408-13	Đỗ Văn Bình	27	03/01/2019	4	2	HNBG102
964	4110202	Các phương pháp điều tra địa sinh thái và môi trường	6_4110202_0408-13	001_6_4110202_0408-13	0408-13	Đỗ Văn Bình	40	03/01/2019	4	2	HNBG108
965	4110202	Các phương pháp điều tra địa sinh thái và môi trường	6_4110202_0408-13	002_6_4110202_0408-13	0408-13	Đỗ Văn Bình	26	03/01/2019	4	2	HNBG606
966	4110205	Xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học	6_4110205_0408-12	001_6_4110205_0408-12	0408-12	Trần Anh Quân	85	10/01/2019	2	2	HNAD301
967	4110206	Kỹ thuật xử lý nước và nước thải	6_4110206_0408-09	002_6_4110206_0408-09	0408-09	Đỗ Cao Cường	32	08/01/2019	4	2	HNAA405
968	4110206	Kỹ thuật xử lý nước và nước thải	6_4110206_0408-09	001_6_4110206_0408-09	0408-09	Đỗ Cao Cường	40	08/01/2019	4	2	HNAB305
969	4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	5_4110208	001_5_4110208	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy	37	05/01/2019	4	2	HNBG102
970	4110209	Quản lý môi trường	5_4110209	001_5_4110209	0402-12 ---1101-03 ---1101-09	Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Thị Cúc ---Vũ Thị Lan Anh	40	04/01/2019	7	2	HNBG603

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
971	4110209	Quản lý môi trường	5_4110209	003_5_4110209	0402-12 ---1101-03 ---1101-09	Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Thị Cúc ---Vũ Thị Lan Anh	29	04/01/2019	7	2	HNBG601
972	4110209	Quản lý môi trường	5_4110209	002_5_4110209	0402-12 ---1101-03 ---1101-09	Nguyễn Quốc Phi ---Nguyễn Thị Cúc ---Vũ Thị Lan Anh	40	04/01/2019	7	2	HNBG503
973	4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	6_4110210_0408-07	002_6_4110210_0408-07	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	24	03/01/2019	7	2	HNBG507
974	4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	6_4110210_0408-07	003_6_4110210_0408-07	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	24	03/01/2019	7	2	HNBG602
975	4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	6_4110210_0408-07	001_6_4110210_0408-07	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	40	03/01/2019	7	2	HNBG406
976	4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	6_4110210_0408-10	001_6_4110210_0408-10	0408-10	Nguyễn Quang Minh	38	03/01/2019	9	2	HNBG101
977	4110217	Bảo vệ và cải tạo sinh thái đất	6_4110217_0408-08	001_6_4110217_0408-08	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy	39	08/01/2019	2	2	HNAA307
978	4110218	Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước	6_4110218_0408-13	001_6_4110218_0408-13	0408-13	Đỗ Văn Bình	51	11/01/2019	7	2	HNAA208
979	4110236	Môi trường và con người	5_4110236	005_5_4110236	0408-05 ---0408-09 ---0408-10	Đỗ Cao Cường ---Nguyễn Quang Minh ---Phạm Khánh Huy	69	07/01/2019	4	2	HNAD401
980	4110236	Môi trường và con người	5_4110236	002_5_4110236	0408-05 ---0408-09 ---0408-10	Đỗ Cao Cường ---Nguyễn Quang Minh ---Phạm Khánh Huy	60	07/01/2019	4	2	HNAD403
981	4110236	Môi trường và con người	5_4110236	006_5_4110236	0408-05 ---0408-09 ---0408-10	Đỗ Cao Cường ---Nguyễn Quang Minh ---Phạm Khánh Huy	70	07/01/2019	4	2	HNAD301
982	4110236	Môi trường và con người	5_4110236	001_5_4110236	0408-05 ---0408-09 ---0408-10	Đỗ Cao Cường ---Nguyễn Quang Minh ---Phạm Khánh Huy	60	07/01/2019	4	2	HNAD402
983	4110236	Môi trường và con người	5_4110236	003_5_4110236	0408-05 ---0408-09 ---0408-10	Đỗ Cao Cường ---Nguyễn Quang Minh ---Phạm Khánh Huy	120	07/01/2019	4	2	HNAD201
984	4110236	Môi trường và con người	5_4110236	004_5_4110236	0408-05 ---0408-09 ---0408-10	Đỗ Cao Cường ---Nguyễn Quang Minh ---Phạm Khánh Huy	120	07/01/2019	4	2	HNAD101
985	4110302	Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường	6_4110302_1103-06	001_6_4110302_1103-06	1103-06	Nguyễn Thị Hòa	77	08/01/2019	2	2	HNAD101
986	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	5_4110303	001_5_4110303	0408-02	Đào Đình Thuận	30	11/01/2019	2	2	HNAB305
987	4110304	Tự động hóa dụng cụ đo chất lượng môi trường	6_4110304_0103-15	002_6_4110304_0103-15	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam	24	10/01/2019	4	2	HNAA205
988	4110304	Tự động hóa dụng cụ đo chất lượng môi trường	6_4110304_0103-15	001_6_4110304_0103-15	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam	23	10/01/2019	4	2	HNAA203

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
989	4110307	Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL	6_4110307_1103-04	002_6_4110307_1103-04	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	25	03/01/2019	4	2	HNBG408
990	4110307	Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL	6_4110307_1103-04	001_6_4110307_1103-04	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	40	03/01/2019	4	2	HNBG107
991	4110307	Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL	6_4110307_1103-04	003_6_4110307_1103-04	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	26	03/01/2019	4	2	HNBG407
992	4110313	Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong khai thác dầu mỏ và khí đốt	6_4110313_1103-04	001_6_4110313_1103-04	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	26	10/01/2019	7	2	HNAA308
993	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	5_4300111	004_5_4300111	3001-01 ---3001-03 ---3001-06	Hoàng Xuân Trường ---Nguyễn Văn Quảng ---Phạm Quốc Đăm	66	12/01/2019	2	2	HNAD101
994	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	5_4300111	001_5_4300111	3001-01 ---3001-03 ---3001-06	Hoàng Xuân Trường ---Nguyễn Văn Quảng ---Phạm Quốc Đăm	60	12/01/2019	2	2	HNAD402
995	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	5_4300111	002_5_4300111	3001-01 ---3001-03 ---3001-06	Hoàng Xuân Trường ---Nguyễn Văn Quảng ---Phạm Quốc Đăm	60	12/01/2019	2	2	HNAD403
996	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	5_4300111	005_5_4300111	3001-01 ---3001-03 ---3001-06	Hoàng Xuân Trường ---Nguyễn Văn Quảng ---Phạm Quốc Đăm	67	12/01/2019	2	2	HNAD401
997	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	5_4300111	003_5_4300111	3001-01 ---3001-03 ---3001-06	Hoàng Xuân Trường ---Nguyễn Văn Quảng ---Phạm Quốc Đăm	120	12/01/2019	2	2	HNAD201
998	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	5_4300112	001_5_4300112	3002-03	Trần Văn Độ	40	13/01/2019	4	2	HNAA305
999	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	5_4300112	002_5_4300112	3002-03	Trần Văn Độ	86	13/01/2019	4	2	HNAD201
1000	4300211	Quân sự chung và chiến thuật	6_4300211_3001-03	002_6_4300211_3001-03	3001-03	Nguyễn Văn Quảng	21	10/01/2019	2	2	HNAA407
1001	4300211	Quân sự chung và chiến thuật	6_4300211_3001-03	001_6_4300211_3001-03	3001-03	Nguyễn Văn Quảng	40	10/01/2019	2	2	HNAA307
1002	4300211	Quân sự chung và chiến thuật	6_4300211_3002-05	001_6_4300211_3002-05	3002-05	Nguyễn Văn Phong	40	10/01/2019	7	2	HNAA305
1003	4300211	Quân sự chung và chiến thuật	6_4300211_3002-05	002_6_4300211_3002-05	3002-05	Nguyễn Văn Phong	84	10/01/2019	7	2	HNAD201
1004	4300211	Quân sự chung và chiến thuật	6_4300211_3002-04	001_6_4300211_3002-04	3002-04	Vũ Quang Hay	40	13/01/2019	9	2	HNAA305
1005	4300211	Quân sự chung và chiến thuật	6_4300211_3002-04	002_6_4300211_3002-04	3002-04	Vũ Quang Hay	82	13/01/2019	9	2	HNAD201
1006	7010102	Đại số tuyến tính	5K63S2_7010102	002_5K63S2_7010102	0101-20	Lê Hương Giang	86	03/01/2019	2	2	HNAD201
1007	7010102	Đại số tuyến tính	5K63S2_7010102	001_5K63S2_7010102	0101-20	Lê Hương Giang	40	03/01/2019	2	2	HNAA305
1008	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	006_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAB205
1009	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	005_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAB504
1010	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	002_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAB501
1011	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	010_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAA407

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1012	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	009_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAD302
1013	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	013_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	120	14/01/2019	2	2	HNAD201
1014	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	004_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAB505
1015	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	001_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAB305
1016	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	008_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAA205
1017	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	012_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAD203
1018	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	007_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAD303
1019	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	011_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAB201
1020	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_1	003_5K63_7010102_1	0101-01 ---0101-22	Nguyễn Minh Mẫn ---Nguyễn Thế Lâm	40	14/01/2019	2	2	HNAA405
1021	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	010_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAA409
1022	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	007_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAB205
1023	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	009_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAA203
1024	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	011_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAA205
1025	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	004_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAA308
1026	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	005_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAB505

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1027	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	006_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAB504
1028	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	002_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAB501
1029	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	012_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAD302
1030	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	001_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAB305
1031	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_3	001_5K63_7010102_3	0101-01	Nguyễn Minh Mẫn	21	14/01/2019	4	2	HNAA307
1032	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	013_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	120	14/01/2019	4	2	HNAD201
1033	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	008_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAD303
1034	7010102	Đại số tuyến tính	5K63_7010102_2	003_5K63_7010102_2	0101-01 ---0101-17 ---0101-20 ---0101-24	Lê Bích Phượng ---Lê Hương Giang ---Nguyễn Minh Mẫn ---Phạm Tuấn Cường	40	14/01/2019	4	2	HNAA405
1035	7010103	Giải tích 1	5K63S2_7010103	003_5K63S2_7010103	0101-25	Hoàng Ngự Huân	47	04/01/2019	2	2	HNAA208
1036	7010103	Giải tích 1	5K63S2_7010103	001_5K63S2_7010103	0101-25	Hoàng Ngự Huân	40	04/01/2019	2	2	HNAB305
1037	7010103	Giải tích 1	5K63S2_7010103	002_5K63S2_7010103	0101-25	Hoàng Ngự Huân	40	04/01/2019	2	2	HNAB501
1038	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	010_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Ngự Huân ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAA407
1039	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	008_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Ngự Huân ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAA205
1040	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	007_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Ngự Huân ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAD303

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1041	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	006_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAB205
1042	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	004_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAB505
1043	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	011_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAB201
1044	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	005_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAB504
1045	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	003_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAA405
1046	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	001_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAB305
1047	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	012_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	100	16/01/2019	2	2	HNAD201
1048	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	009_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAD302
1049	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_2	002_5K63_7010103_2	0101-21 ---0101-23 ---0101-25 ---0101-26	Hoàng Nợ Huấn ---Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh	40	16/01/2019	2	2	HNAB501
1050	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	006_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAB504
1051	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	013_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	120	16/01/2019	4	2	HNAD201

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1052	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	012_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAD302
1053	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	003_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAA405
1054	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	010_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAA409
1055	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	011_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAA205
1056	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	002_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAB501
1057	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	007_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAB205
1058	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	005_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAB505
1059	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	001_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAB305
1060	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	008_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAD303
1061	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	004_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAA308
1062	7010103	Giải tích 1	5K63_7010103_1	009_5K63_7010103_1	0101-11 ---0101-21 ---0101-23 ---0101-26	Nguyễn Thị Hiền ---Nguyễn Thị Kim Sơn ---Nguyễn Thùy Linh ---Nguyễn Trường Thanh	40	16/01/2019	4	2	HNAA203

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1063	7010114	Toán cao cấp 1	5K63_7010114_1	001_5K63_7010114_1	0101-16	Hà Hữu Cao Trình	48	14/01/2019	2	2	HNAA208
1064	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	004_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	24/12/2018	2	2	HNAD203
1065	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	005_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	24/12/2018	2	2	HNAA204
1066	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	003_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	24/12/2018	2	2	HNAA203
1067	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	008_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	70	24/12/2018	2	2	HNAD301
1068	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	001_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	24/12/2018	2	2	HNAA305
1069	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	007_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	70	24/12/2018	2	2	HNAD201
1070	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	006_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	60	24/12/2018	2	2	HNAB506
1071	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_1	002_5K63S1_7010114_1	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	24/12/2018	2	2	HNAB501
1072	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_2	002_5K63S1_7010114_2	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	26/12/2018	2	2	HNAB501
1073	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_2	004_5K63S1_7010114_2	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	87	26/12/2018	2	2	HNAD201
1074	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_2	003_5K63S1_7010114_2	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	26/12/2018	2	2	HNAA203
1075	7010114	Toán cao cấp 1	5K63S1_7010114_2	001_5K63S1_7010114_2	0101-03 ---0101-16	Hà Hữu Cao Trình ---Tô Văn Đình	40	26/12/2018	2	2	HNAA305
1076	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_2	001_5K63_7010120_2	0101-09 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	18/01/2019	2	2	HNAB305
1077	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_2	002_5K63_7010120_2	0101-09 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	40	18/01/2019	2	2	HNAB501
1078	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_2	003_5K63_7010120_2	0101-09 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng	108	18/01/2019	2	2	HNAD201
1079	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	001_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAB305
1080	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	008_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAD303
1081	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	011_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAD302

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1082	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	003_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAA405
1083	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	006_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAB504
1084	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	002_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAB501
1085	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	007_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAB205
1086	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	009_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAA203
1087	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	005_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAB505
1088	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	004_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAA308
1089	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	013_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	120	18/01/2019	4	2	HNAD201
1090	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	012_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAA307
1091	7010120	Xác suất thống kê	5K63_7010120_1	010_5K63_7010120_1	0101-04 ---0101-09 ---0101-18 ---0101-19	Nguyễn Thị Hằng ---Nguyễn Thu Hằng ---Nguyễn Văn Ngọc ---Phạm Ngọc Anh	40	18/01/2019	4	2	HNAA304
1092	7010204	Vật lý đại cương 1	5K63S2_7010204	001_5K63S2_7010204	0102-01	Hồ Quỳnh Anh	82	02/01/2019	4	2	HNAD301
1093	7010204	Vật lý đại cương 1	5K63_7010204_1	003_5K63_7010204_1	0102-07 ---0102-11 ---0102-16	Đào Việt Thắng ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Diệu Thu	40	21/01/2019	4	2	HNAA405

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1094	7010204	Vật lý đại cương 1	5K63_7010204_1	001_5K63_7010204_1	0102-07 ---0102-11 ---0102-16	Đào Việt Thắng ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Diệu Thu	40	21/01/2019	4	2	HNAB305
1095	7010204	Vật lý đại cương 1	5K63_7010204_1	005_5K63_7010204_1	0102-07 ---0102-11 ---0102-16	Đào Việt Thắng ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Diệu Thu	95	21/01/2019	4	2	HNAD201
1096	7010204	Vật lý đại cương 1	5K63_7010204_1	002_5K63_7010204_1	0102-07 ---0102-11 ---0102-16	Đào Việt Thắng ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Diệu Thu	40	21/01/2019	4	2	HNAB501
1097	7010204	Vật lý đại cương 1	5K63_7010204_1	004_5K63_7010204_1	0102-07 ---0102-11 ---0102-16	Đào Việt Thắng ---Nguyễn Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Diệu Thu	40	21/01/2019	4	2	HNAA308
1098	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63S2_7010304	001_5K63S2_7010304	0103-18	Lê Thị Phương Thảo	44	05/01/2019	2	2	HNAA208
1099	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	005_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAB504
1100	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	008_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	120	15/01/2019	2	2	HNAD301
1101	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	006_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAB205
1102	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	007_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAD303
1103	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	003_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAA308
1104	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	004_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAB505
1105	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	002_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAA405

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1106	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_2	001_5K63_7010304_2	0103-03 ---0103-10 ---0103-12 ---0103-13	Công Tiến Dũng ---Đỗ Thị Hải ---Hà Mạnh Hùng ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	15/01/2019	2	2	HNAB501
1107	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	006_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	19/01/2019	2	2	HNAB205
1108	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	005_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	19/01/2019	2	2	HNAB504
1109	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	002_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	19/01/2019	2	2	HNAB501
1110	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	007_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	57	19/01/2019	2	2	HNAB506
1111	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	004_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	19/01/2019	2	2	HNAB505
1112	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	003_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	19/01/2019	2	2	HNAA405
1113	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_3	001_5K63_7010304_3	0103-08 ---0103-13	Nguyễn Mạnh Hà ---Nguyễn Thị Thu Hiền	40	19/01/2019	2	2	HNAB305
1114	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	003_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAB501
1115	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	007_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAB504
1116	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	008_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAB205
1117	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	009_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAD303
1118	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	005_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAA308
1119	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	010_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAA409

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1120	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	002_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAB305
1121	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	006_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAB505
1122	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	004_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAA405
1123	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	5K63_7010304_1	001_5K63_7010304_1	0103-06 ---0103-12 ---0103-20 ---0103-25	Hà Mạnh Hùng ---Lê Thị Duyên ---Nguyễn Viết Hùng ---Vũ Duy Thịnh	40	19/01/2019	4	2	HNAA305
1124	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	5K63_7010403_1	001_5K63_7010403_1	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng	40	15/01/2019	2	2	HNAB305
1125	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	5K63_7010403_1	002_5K63_7010403_1	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng	85	15/01/2019	2	2	HNAD201
1126	7010404	Hình học họa hình	5K63S2_7010404	001_5K63S2_7010404	0104-08	Đỗ Việt Anh	82	05/01/2019	2	2	HNAD201
1127	7010601	Tiếng Anh 1	5K63S2_7010601	002_5K63S2_7010601	0106-06 ---0106-07 ---0106-11	Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Thu Phúc	87	02/01/2019	2	2	HNAD301
1128	7010601	Tiếng Anh 1	5K63S2_7010601	001_5K63S2_7010601	0106-06 ---0106-07 ---0106-11	Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Thu Phúc	40	02/01/2019	2	2	HNAA305
1129	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	004_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Đương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAA308

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1130	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	007_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAB205
1131	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	011_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAA307
1132	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	002_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAB501
1133	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	006_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAB504

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1134	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	003_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAA405
1135	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	010_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAD302
1136	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	008_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAD303
1137	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	005_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thúy Hường ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAB505

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1138	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	009_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thủy Hương ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAA203
1139	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	001_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thủy Hương ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	40	22/01/2019	2	2	HNAB305
1140	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_2	012_5K63_7010601_2	0106-06 ---0106-07 ---0106-14 ---0106-17 ---0106-19 ---0106-20 ---0106-21 ---0106-22 ---0106-23	Đặng Thanh Mai ---Dương Thủy Hương ---Nguyễn ánh Hoa ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Cúc ---Nguyễn Thị Lệ Hằng ---Nguyễn Thị Nguyệt ánh ---Trịnh Thị Vân ---Vũ Thanh Tâm	103	22/01/2019	2	2	HNAD201
1141	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	008_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAB205
1142	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	010_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAD302

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1143	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	002_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAB501
1144	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	012_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAB201
1145	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	005_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAA308
1146	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	011_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAA407
1147	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	006_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAB505
1148	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	004_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAA303

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1149	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	007_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAB504
1150	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	001_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAB305
1151	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	003_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAA405
1152	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	009_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	40	22/01/2019	4	2	HNAD303
1153	7010601	Tiếng Anh 1	5K63_7010601_1	013_5K63_7010601_1	0106-07 ---0106-08 ---0106-09 ---0106-13 ---0106-15 ---0106-16 ---0106-23	Cao Xuân Hiền ---Đặng Thanh Mai ---Nguyễn Hồng Vân ---Nguyễn Mộng Lân ---Nguyễn Thị Thảo ---Trần Đình Thước ---Trương Thị Thanh Thủy	120	22/01/2019	4	2	HNAD201
1154	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63D_40	001_DCCTCT63D_40	0107-08	Lương Anh Hùng	45	02/01/2019	1	2	SANTDA3
1155	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63D_41	001_DCCTCT63D_41	0107-08	Lương Anh Hùng	40	02/01/2019	3	2	SANTDA2
1156	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63A_29	001_DCCTCT63A_29	0107-12	Lê Ngọc Linh	47	02/01/2019	7	2	SANTDA3
1157	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63B_35	001_DCCTCT63B_35	0107-14	Lý Kế Cường	44	03/01/2019	3	2	SANTDA4
1158	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63B_34	001_DCCTCT63B_34	0107-08	Lương Anh Hùng	40	03/01/2019	3	2	SANTDA5
1159	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63A_28	001_DCCTCT63A_28	0107-15	Nguyễn Huy Thông	47	04/01/2019	7	2	SANTDA3
1160	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63C_38	001_DCCTCT63C_38	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	05/01/2019	1	2	SANTDA2
1161	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63C_36	001_DCCTCT63C_36	0107-15	Nguyễn Huy Thông	44	05/01/2019	1	2	SANTDA3

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1162	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63D_42	001_DCCTCT63D_42	0107-12	Lê Ngọc Linh	40	05/01/2019	1	2	SANTDA1
1163	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63C_39	001_DCCTCT63C_39	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	45	05/01/2019	3	2	SANTDA3
1164	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63D_43	001_DCCTCT63D_43	0107-12	Lê Ngọc Linh	40	05/01/2019	3	2	SANTDA5
1165	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63B_33	001_DCCTCT63B_33	0107-15	Nguyễn Huy Thông	40	05/01/2019	3	2	SANTDA1
1166	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63C_37	001_DCCTCT63C_37	0107-10	Lê Viết Tuấn	45	05/01/2019	3	2	SANTDA2
1167	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63B_32	001_DCCTCT63B_32	0107-05	Thái Việt Hưng	43	05/01/2019	3	2	SANTDA4
1168	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63A_31	001_DCCTCT63A_31	0107-02	Nguyễn Quang Huy	48	07/01/2019	7	2	SANTDA2
1169	7010701	Giáo dục thể chất 1	DCCTCT63A_30	001_DCCTCT63A_30	0107-02	Nguyễn Quang Huy	47	07/01/2019	9	2	SANTDA1
1170	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	005_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB206
1171	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	010_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB306
1172	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	009_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB405
1173	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	001_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAD204
1174	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_3	001_5K63_7020102_3	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh	40	24/01/2019	2	2	HNAB305
1175	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	003_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB503
1176	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	006_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAD202
1177	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_3	002_5K63_7020102_3	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh	40	24/01/2019	2	2	HNAB501
1178	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	004_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB202

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1179	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	007_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAD304
1180	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_3	003_5K63_7020102_3	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh	40	24/01/2019	2	2	HNAB505
1181	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_3	004_5K63_7020102_3	0201-07	Đỗ Thị Kim Thanh	59	24/01/2019	2	2	HNAA208
1182	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	008_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB401
1183	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_2	002_5K63_7020102_2	0201-07 ---0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh ---Ngô Văn Hường ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	2	2	HNAB404
1184	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	001_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAA305
1185	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	008_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAB205
1186	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	005_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAA308
1187	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	009_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAD303
1188	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	004_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAA405
1189	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	007_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAB504
1190	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	006_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAB505
1191	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	002_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAB305
1192	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	003_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAB501

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1193	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63_7020102_1	010_5K63_7020102_1	0201-09 ---0201-10 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Nguyễn Thị Phương ---Trần Thị Lan Hương	40	24/01/2019	4	2	HNAA205
1194	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	008_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	120	25/12/2018	4	2	HNAD201
1195	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	001_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAB204
1196	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	007_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAB303
1197	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	006_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAA208
1198	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	003_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAB203
1199	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	002_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAD302
1200	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	005_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAA303
1201	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_1	004_5K63S1_7020102_1	0201-09 ---0201-12 ---0201-13	Bùi Thị Thùy Dương ---Ngô Văn Hưởng ---Trần Thị Lan Hương	40	25/12/2018	4	2	HNAD304
1202	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_2	004_5K63S1_7020102_2	0201-07 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh	40	27/12/2018	2	2	HNAD303
1203	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_2	003_5K63S1_7020102_2	0201-07 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh	40	27/12/2018	2	2	HNAB205
1204	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_2	005_5K63S1_7020102_2	0201-07 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh	40	27/12/2018	2	2	HNAA409
1205	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_2	001_5K63S1_7020102_2	0201-07 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh	40	27/12/2018	2	2	HNAB501
1206	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_2	006_5K63S1_7020102_2	0201-07 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh	51	27/12/2018	2	2	HNAB506
1207	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	5K63S1_7020102_2	002_5K63S1_7020102_2	0201-07 ---0201-12	Bùi Thị Thùy Dương ---Đỗ Thị Kim Thanh	40	27/12/2018	2	2	HNAB505
1208	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_2	004_5K63S1_7020103_2	0201-01 ---0201-08	Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	89	24/12/2018	4	2	HNAD201
1209	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_2	003_5K63S1_7020103_2	0201-01 ---0201-08	Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	24/12/2018	4	2	HNAA405

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1210	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_2	002_5K63S1_7020103_2	0201-01 ---0201-08	Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	24/12/2018	4	2	HNAB305
1211	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_2	001_5K63S1_7020103_2	0201-01 ---0201-08	Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	24/12/2018	4	2	HNAA305
1212	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	003_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	28/12/2018	9	2	HNAB401
1213	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	002_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	28/12/2018	9	2	HNAA402
1214	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	001_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	28/12/2018	9	2	HNAB404
1215	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	005_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	60	28/12/2018	9	2	HNAB207
1216	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	007_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	40	28/12/2018	9	2	HNAD301
1217	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	004_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	60	28/12/2018	9	2	HNAB506
1218	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5K63S1_7020103_1	006_5K63S1_7020103_1	0201-01 ---0201-08 ---0201-13	Ngô Văn Hường ---Nguyễn Bình Yên ---Phí Mạnh Phong	120	28/12/2018	9	2	HNAD101
1219	7020104	Pháp luật đại cương	5K63S2_7020104	001_5K63S2_7020104	0201-15	Nguyễn Lê Hà Giang	44	02/01/2019	4	2	HNAA208
1220	7020104	Pháp luật đại cương	5K63_7020104_1	001_5K63_7020104_1	0201-14	Đào Thị Tuyết	94	15/01/2019	2	2	HNAD101
1221	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63_7080225_1	001_5K63_7080225_1	0802-14	Đặng Quốc Trung	49	21/01/2019	2	2	HNAB506
1222	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	005_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAB401
1223	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	006_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAA306
1224	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	007_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAB502
1225	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	003_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAB503
1226	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	001_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAD204

TT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm thi	Tổ thi	Mã CBGD	Tên CBGD	Số SV	Ngày thi	Tiết bắt đầu	Số tiết thi	Mã phòng
1227	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	004_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAD202
1228	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	002_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	40	26/12/2018	4	2	HNAB404
1229	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_1	008_5K63S1_7080225_1	0802-07 ---0802-09 ---0804-04	Đào Thu Vân ---Phạm Đức Hậu ---Vũ Lan Phương	120	26/12/2018	4	2	HNAD301
1230	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_2	003_5K63S1_7080225_2	0802-10 ---0804-04	Phạm Đức Hậu ---Vương Như Quỳnh	40	28/12/2018	4	2	HNAB401
1231	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_2	004_5K63S1_7080225_2	0802-10 ---0804-04	Phạm Đức Hậu ---Vương Như Quỳnh	87	28/12/2018	4	2	HNAD401
1232	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_2	001_5K63S1_7080225_2	0802-10 ---0804-04	Phạm Đức Hậu ---Vương Như Quỳnh	40	28/12/2018	4	2	HNAA303
1233	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	5K63S1_7080225_2	002_5K63S1_7080225_2	0802-10 ---0804-04	Phạm Đức Hậu ---Vương Như Quỳnh	40	28/12/2018	4	2	HNAD302
1234	7090132	Nhập môn kỹ thuật điện	DCCDKTD63_01	001_DCCDKTD63_01	0901-04	Lê Xuân Thành	40	17/01/2019	4	2	HNAA205
1235	7090132	Nhập môn kỹ thuật điện	DCCDKTD63_01	002_DCCDKTD63_01	0901-04	Lê Xuân Thành	39	17/01/2019	4	2	HNAA204
1236	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	DCCDTD63_01	001_DCCDTD63_01	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	40	18/01/2019	2	2	HNAA205
1237	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	DCCDTD63_01	002_DCCDTD63_01	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	40	18/01/2019	2	2	HNAA204
1238	7090223	Nhập môn về kỹ thuật	DCCDTD63_01	003_DCCDTD63_01	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	43	18/01/2019	2	2	HNAA208

Lưu ý:

- Tổ chức thi theo Quy chế đào tạo và Quy trình khảo thí;
- Sinh viên xem lịch thi và dùng MSSV kiểm tra lịch thi của mình trên website của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD hoặc website của Phòng ĐTDH để dự thi đúng theo lịch thi;
- Sinh viên mang theo thẻ sinh viên/CMND, có mặt tại phòng thi 15 phút trước giờ thi.
- Tổ chức làm phách; chấm thi tập trung và báo điểm theo Quy trình khảo thí.

Hà Nội, ngày 19/12/2018

TL. Hiệu trưởng

KT. Trưởng phòng

(đã ký)

TS. Phạm Văn Tuấn